

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2022-2023

Thực hiện Quyết định số 1952/QĐ-UBND tỉnh Bình Dương ngày 15 tháng 8 năm 2022 về Ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 2093/SGD&ĐT-GDMNTH ngày 16/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Mầm non năm học 2022-2023;

Thực hiện Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2022-2023 của Phòng giáo dục đào tạo huyện Phú Giáo và trường mầm non Phước Hòa;

Căn cứ tình hình thực tế của đơn vị. Bộ phận chuyên môn Trường mầm non Phước Hòa xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2022-2023 như sau:

A. PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG.

1. Thông tin chung:

- Đội ngũ: CBQL: 3/3 nữ;
- + Trình độ CM: Đại học: 3/3nữ.
- Tổng giáo viên: 43/43 nữ;
- + Trình độ CM: Đại học: 37; CĐ: 3; THMN: 3
- Quy mô nhóm lớp, trẻ:
- Tổng số trẻ ra lớp: 543 trẻ /21 nhóm/lớp/43 giáo viên
- Trong đó:

Nhà trẻ: 4 lớp/ 70 trẻ/9GV;
Mầm: 5 lớp/ 135 trẻ/10 GV;
Chồi: 6 lớp/ 142 trẻ/12GV;
Lá: 06 lớp/ 196 trẻ/12 GV

B. PHẦN II: MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC.

I. MỤC TIÊU CHUNG

1.MỤC TIÊU GIÁO DỤC NHÀ TRẺ:

1.1 Phát triển thể chất

- + Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- + Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- + Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- + Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, giữ thăng bằng cơ thể)
- + Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- + Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

1.2. Phát triển nhận thức

- + Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.

- + Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- + Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- + Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật hiện tượng gần gũi quen thuộc.

1.3. Phát triển ngôn ngữ

- + Nghe, hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- + Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- + Biết sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- + Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.

- + Trẻ mạnh dạn, hồn nhiên trong giao tiếp.

1.4. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ:

- + Trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- + Trẻ có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc đối với con người, sự vật gần gũi.
- + Trẻ thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- + Trẻ thích thú nghe hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, thích nghe đọc thơ, kể chuyện...

2. MỤC TIÊU GIÁO DỤC TRẺ MẪU GIÁO

2.1. Phát triển thể chất:

- Trẻ khỏe mạnh, cơ thể phát triển cân đối. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Thực hiện được một số vận động của đôi tay một cách khéo léo.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt về giữ gìn sức khỏe, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường và biết cách đảm bảo sự an toàn.

2.2. Phát triển nhận thức:

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi những sự vật hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý và ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng diễn phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Nhận ra một số mối liên hệ đơn giản của các sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân, môi trường tự nhiên và xã hội.

2.3. Phát triển ngôn ngữ:

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hằng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

2.4. Phát triển tình cảm xã hội:

- Có ý thức về bản thân.
- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh mẽ, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

2.5. Phát triển thẩm mỹ:

- Cảm nhận được vẻ đẹp trong thiên nhiên, vẻ đẹp của cuộc sống xung quanh và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật, có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
- Biết cảm thụ, đánh giá nhận xét các tác phẩm tạo hình của trẻ, của bạn, mô tả được ý tưởng sáng tạo của mình.

3. THỰC HIỆN CHUYÊN ĐỀ TRỌNG TÂM:

3.1. Chuyên đề Lấy trẻ làm trung tâm

- Thực hiện sự phân công của Phòng Giáo dục, trong năm học 2022-2023 trường tiếp tục đẩy mạnh hoạt động triển khai chủ đề năm học đối với GDMN "Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện" gắn với việc thực hiện Chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm". Tổ chức đánh giá 2 năm thực hiện Chủ đề "Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện" triển khai các nội dung của Chuyên đề, tổng kết kinh nghiệm và tổ chức sơ kết thực hiện Chuyên đề vào cuối năm học.

- Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN, trong đó tập trung phát triển Chương trình giáo dục nhà trường theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, LTLTT

+ Thực hiện hiệu quả Chuyên đề "Xây dựng trường mầm non LTLTT" giai đoạn 2021 - 2025" và năm học 2022-2023. Tổ chức thực hiện các Tiêu chí xây dựng trường mầm non LTLTT theo Kế hoạch số 626/KH-BGDĐT ngày 30/6/2021 trong đó tập trung xây dựng môi trường xanh - an toàn - thân thiện và đổi mới phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quan điểm LTLTT;

- Kiểm tra phiếu đánh giá và Kế hoạch xây dựng trường MNLTLTT các khối lớp tháng 10/2022.

+ Bồi dưỡng chuyên đề: các kỹ năng tổ chức hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm;

+ củng cố kỹ năng xây dựng môi trường và kế hoạch giáo dục lấy trẻ làm trung tâm và theo hướng phát triển Chương trình GDMN;

+ Hướng dẫn giáo viên thực hiện việc theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ nghiêm túc, thiết thực, hỗ trợ tích cực cho việc làm cơ sở để xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục theo quy định của Chương trình GDMN;

+ Tiếp tục phát huy phong trào thi đua “**Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm**”, đẩy mạnh khai thác sử dụng có hiệu quả môi trường giáo dục.

+ **Phân công thực hiện chuyên đề: Phụng (Nhóm Bàu cỏ); Mỹ (Mầm 3), Ngọc (Lá 3), Hoa A (Chồi 2); Thu Lệ (lá 2); Văn (Chồi 1) (Kiểm tra tháng 10/2022, tháng 1/2023)**

(Thực hiện chung toàn trường)

3.2. Chuyên đề “Ứng phó với biến đổi khí hậu”

*** Nội dung:**

Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, học sinh về biến đổi khí hậu đang xảy ra trên toàn cầu, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến đời sống con người, động thực vật.

Cách nhận biết và ứng phó những hoàn cảnh cụ thể xảy ra phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế của địa phương.

Lồng ghép giáo dục bảo vệ môi trường, giảm nguy cơ biến đổi khí hậu.

*** Biện pháp:**

- Triển khai tập huấn, bồi dưỡng kiến thức Ứng phó biến đổi khí hậu cho đội ngũ CB-GV-NV;

- Xây dựng bảng tuyên truyền của nhà trường các nội dung chuyên đề ứng phó với biến đổi khí hậu và môi trường.

- Tổ chức thực hiện tốt lồng ghép các nội dung “Giáo dục giáo dục bảo vệ tài nguyên môi trường, biển, hải đảo”; “Giáo dục bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm năng lượng” trong các hoạt động.

- Tạo mọi điều kiện cho trẻ tiếp cận với chuyên đề Giáo dục bảo vệ môi trường sống, ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua các hoạt động chăm sóc giáo dục hằng ngày, mọi lúc, mọi nơi.

- Chỉ đạo giáo viên đầu tư soạn giảng có lồng ghép nội dung giáo dục bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng vào các tiết học. Giáo viên trò chuyện và cho trẻ thực hành ở mọi lúc mọi nơi: Đón – trả trẻ, trò chuyện trong tiết học, hoạt động ngoài giờ, hoạt động góc ...

- Nhắc nhở giáo viên thường xuyên thay đổi nội dung tuyên truyền, yêu cầu nội dung phải phù hợp với chủ đề và sát với thực tế điều kiện của lớp mình.

- Chỉ đạo giáo viên thường xuyên lồng ghép nội dung chuyên đề, và tổ chức cho trẻ học thông qua các hoạt động trò chuyện, xem tranh, trò chơi, đọc thơ, kể chuyện, các hoạt động khám phá khoa học, các bài tập thực hành ứng phó với BĐKH ...

Phân công chuyên đề: Hoạt động KPKH lồng ghép giáo dục BVMT, ứng phó với biến đổi khí hậu: Kiều Trinh (Mầm 1); Trà My (Mầm 4); Hoa B (Chồi 1); Thắm (Chồi 6), Kiều Oanh (Lá 1); Huyền (Lá 7); *(Thực hiện chung toàn trường)*

(Kiểm tra tháng 11/2022)

3.3. Chương trình “Tôi yêu Việt Nam”

- Xây dựng lồng ghép và triển khai kế hoạch thực hiện “Chuyên đề tôi yêu Việt Nam” năm học 2022-2023 của trường.

- Xây dựng bảng tuyên truyền của trường nội dung chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam” trên bảng tin công trường

- Chỉ đạo các nhóm lớp thực hiện lồng ghép giáo dục ATGT trong tất cả các hoạt động, nội dung giáo dục phù hợp với đề tài, chủ đề và nhận thức từng nhóm tuổi, khai thác tốt chủ đề an toàn giao thông trong năm.

- Tổ chức tập huấn bồi dưỡng chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam” đến toàn thể giáo viên.

- Tổ chức Hội thi ATGT cho khối mẫu giáo vào cuối tháng 3/2022.

- Phân công thực hiện chuyên đề: Sơn (Lá 4); Hương (Lá 5); Dung (Chồi 4); Tuyết Oanh (Mầm 1); Trang (Mầm 2)

- Thời gian kiểm tra: Tháng 3/2023.

3.4 Chuyên đề “Sẵn sàng học đọc học viết theo hướng liên thông với chương trình lớp 1 tiểu học”:

- Tăng cường các hoạt động làm quen chữ viết cho trẻ khối lá đảm bảo chương trình đến hết năm học trẻ được làm quen với 29 chữ cái cơ bản, trẻ được làm quen với các kỹ năng đọc, viết, tăng cường các hoạt động tô đồ sao chép chữ cái cho trẻ mọi lúc mọi nơi.

- Với các độ tuổi:

+ Xây dựng môi trường làm quen chữ viết bên trong và bên ngoài nhóm lớp

+ Cung cố các góc truyện tranh các lớp có chất lượng, góc thư giãn của trường với nhiều chủng loại tranh chuyện đẹp, hấp dẫn, phù hợp, tăng cường các biển báo tên đồ dùng, đồ vật, cây cảnh trong và ngoài nhóm lớp, tạo môi trường làm quen chữ viết phong phú, phù hợp với từng độ tuổi, ưu tiên các loại sách chuyện, tranh,... do cô và trẻ làm.

+ Tổ chức thực hiện tốt hoạt động làm quen với chữ viết trong sách Chồi, mầm (nếu có)

+ Xây dựng thư viện mi ni của trường giúp trẻ được làm quen với đọc, viết.

- **Phân công chuyên đề Sẵn sàng học đọc học viết:** Hoa A (Chồi 2); Mỹ (Chồi 1); Sơn (Lá 4);

(Kiểm tra chuyên đề “Sẵn sàng học đọc, học viếttháng 12/2022”)

+ Triển khai tập huấn cho giáo viên Mẫu giáo chuyên đề “**Hướng dẫn tổ chức cho trẻ mầm non là quen với đọc viết**” tháng 8/2022

+ **Tổ chức các hoạt động làm quen chữ viết theo sách LQCV các độ tuổi.**

- **Phân công chuyên đề LQCV khối lá:** Hương (Lá 5); Ngọc (Lá 3); Linh (Lá 1); Nhi (lá 4); Thảo (Lá 2); Huyền (Lá 6): (Kiểm tra tháng 12, tháng 5)

4. CÁC CHUYÊN ĐỀ KHÁC:

4.1. Chuyên đề “Đẩy mạnh phòng chống bạo hành trẻ”

- Xây dựng và triển khai kế hoạch “Đẩy mạnh phòng chống bạo hành trong trường MN” và các văn bản pháp luật có liên quan: Quyền trẻ em, Luật giáo dục

- Triển khai Bồi dưỡng thường xuyên chuyên đề “Quyền trẻ em, phòng chống bạo hành và xử lý vi phạm về quyền trẻ em trong cơ sở GDMN”- Thông tư số 12/2019/TT-BGDĐT (tháng 01/2023)

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát và phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp bạo hành trẻ em xảy ra (nếu có)
- Thực hiện tốt các tiêu chuẩn đánh giá Chuẩn đạo đức nghề nghiệp giáo viên hàng năm.
- Tiếp tục chỉ đạo các nhóm/ lớp lồng ghép dạy trẻ các kỹ năng tự bảo vệ bản thân, phòng chống bạo hành trong các hoạt động dạy kỹ năng sống cho trẻ phù hợp với từng độ tuổi.

(Thực hiện chung toàn trường)

4.2. Chuyên đề “Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ trong các cơ sở GDMN”

- Tiếp tục chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp tăng cường nội dung giáo dục phát triển vận động cho trẻ mầm non theo hướng lồng ghép, tích hợp các hoạt động giáo dục khác trong chương trình.
- Tiếp tục bổ sung đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phát triển vận động trong và ngoài nhóm lớp.
- Bảo quản tốt, sử dụng có hiệu quả các khu vực sân vận động của trường. Xây dựng kế hoạch hoạt động hợp lý tại các khu vực trò chơi vận động ngoài trời, đảm bảo 100% các khối lớp đều được tham gia chơi ít nhất 1 lần/tuần.
- Bảo quản và sử dụng hiệu quả nhà xe của trẻ, quy hoạch khu vực hoạt động, xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể, đảm bảo 100% nhóm lớp đều được tham gia ít nhất 1 lần/tuần.
- Tổ chức Hội thi “Trò chơi vận động khối Mẫu giáo” vào cuối tháng 2/2023
- Tổ chức quản lý chặt chẽ hoạt động ngoại khóa (TDND nếu có)

Phân công chuyên đề: Ánh Hồng (1A); Kim Sa (1B); Thùy Phương (Mầm 2); Châu Kha (Mầm 5); Nguyễn Vẽ (Chồi 2); Trần Hoa (Chồi 5) (Kiểm tra tháng 2)

(Thực hiện chung toàn trường)

4.3. Chuyên đề giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật (Các nhóm lớp có trẻ khuyết tật học hòa nhập):

- Tập huấn bồi dưỡng Chuyên đề “Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật” cho giáo viên các nhóm lớp có trẻ khuyết tật tháng 10/2022.
- Kiểm tra hồ sơ hòa nhập trẻ khuyết tật tháng 10, tháng 5;
- Ký duyệt kế hoạch giáo dục, đánh giá sự phát triển của trẻ KT theo từng tháng.

4.4. Thực hiện các chuyên đề khác:

*** UDCNTT:**

- Lồng ghép Ứng dụng CNTT trong mọi hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, trong công tác soạn giảng, từng bước thực hiện lập kế hoạch giáo dục theo phần mềm KHGD.
- Bồi dưỡng sử dụng phần mềm KHGD cho đội ngũ giáo viên;
- Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất các trang thiết bị, mạng Internet, đảm bảo 100% nhóm lớp đều có mạng Internet và vi tính.
- Bảo quản và khai thác tốt phòng vi tính của trường.

Phân công chuyên đề:

UDCNTT trong LQVT: Anh Minh (Mầm 3), Hằng A (Mầm 5); Phạm Nga (Chồi 4)

UDCNTT trong LQVH: Tuyết Nhung (Chồi 3); Khiết Nhi (Lá 4); Thùy Linh (Lá 2)

UDCNTT trong PTNN: Ánh (Chồi 6); Phạm Vân (Chồi 5)

UDCNTT trong GDAN: Châu (1B); Diễm (Mầm 4); Gấm (Chồi 3) Loan (lá 5) Trâm (Lá 6)

(Kiểm tra tháng 9/ 2022;)

*** Chuyên đề kiểm tra tháng 4:**

NBTN(nhà trẻ): Nguyễn Hồng (1B); Việt Anh (N BC)

NBPB (Nhà trẻ): Thu Thúy (1A); Lý (1C)

Tạo hình: Thanh Minh (1C); Thùy Dương (Lá 3); (Lá 1)

II. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC CỤ THỂ:

1. KHỐI NHÀ TRẺ: Nhóm 24-36 tháng:

Căn cứ vào mục tiêu và kết quả mong đợi của từng lĩnh vực trong Chương trình GDMN, khả năng của trẻ và điều kiện thực tế của trường, lớp

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN	SỐ TT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
Phát triển thể chất	1	-Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục phát triển các nhóm cơ và hô hấp theo cô.	+ Hô hấp: Tập hít vào thở ra + Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. + Lưng, bụng, lườn: Cúi về trước, nghiêng người sang 2 bên. + Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
	2	- Thực hiện phối hợp được tay, chân, cơ thể khi bò, giữ được vật đặt trên lưng	+ Bò theo hướng thẳng và có vật trên lưng.
	3	Thực hiện phối hợp được tay, chân, cơ thể khi bò, bò không chạm vạch.	+ Bò trong đường hẹp 35cm x2,5m
	4	- Phối hợp tay chân, mắt, bò định hướng	+ Bò theo đường ngoằn ngoèo
	5	- Phối hợp khéo léo tay chân, mắt, bò định hướng, bò thấp	+ Bò chui qua cổng (ống chui)
	6	- Phối hợp khéo léo tay chân, mắt thực hiện động tác bò kết hợp chui qua cổng	+ Bò trong đường hẹp kết hợp chui qua cổng.
	7	- Phối hợp tay chân, trườn sấp theo hướng thẳng	+ Trườn sấp theo hướng thẳng xa 2,5m
	8	-Phối hợp tay nọ, chân kia trườn thấp dưới gậy	+ Trườn sấp dưới gậy cao 40 cm
	9	- Phối hợp tay chân, mắt, bò theo hướng thẳng 2 bàn tay, bàn chân tiếp đất	+ Bò bằng 2 bàn tay và 2 bàn chân
	10	- Trẻ đi kết hợp định hướng trong không gian.	+ Đi theo hiệu lệnh
	11	Trẻ phối hợp tay chân đi theo nhịp	+ Đi đều bước 1-2 như chú bộ đội.

12	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi theo hướng thẳng	+ Đi trong đường hẹp 25cm x 3m
13	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi theo hướng thẳng có mang vật trên tay	+ Đi trong có mang vật trên tay theo trò chơi thi ai đi khéo
14	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi theo đường ngoằn ngoèo	+ Đi theo đường ngoằn ngoèo
15	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi theo đường zig zắc	+ Đi theo đường zig zắc
16	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi bước qua vật cản.	+ Đi bước qua gậy dài 1,5m kê cao 5cm
17	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi bước vào các ô	+ Đi bước vào các ô kích thước 30x25cm
18	-Đứng co một chân và giữ thăng bằng cơ thể (chân co cách mặt đất 10-12cm.	+ Đứng co chân trái hoặc chân phải (mỗi bên 2-3 giây)
19	-Giữ thăng bằng khi chạy, thay đổi tốc độ, nhanh – chậm theo cô	+ Chạy theo tốc độ chậm – nhanh – chậm dần theo hiệu lệnh.
20	- Trẻ thực hiện được động tác chạy theo hướng thẳng	+ Chạy theo hướng thẳng 5-7m
21	- Phối hợp tay, chân, mắt thực hiện được động tác chạy theo đường ngoằn ngoèo	+ Chạy theo đường ngoằn ngoèo
22	- Trẻ thực hiện được động tác chạy theo hướng thẳng và đổi hướng.	+ Chạy đổi hướng theo cô (2-3 hướng).
23	Trẻ thực hiện được động tác bước lên xuống bậc cao 15cm	+ Bước lên xuống cầu thang cao 15cm
24	Trẻ thực hiện được động tác trèo lên xuống thang	+ Trèo lên xuống 5-7 bậc thang
25	-Thực hiện phối hợp vận động, thể hiện sức mạnh, khéo léo khi bật cao.	+ Bật tại chỗ theo trò chơi bắt bướm.
	-Thực hiện phối hợp vận	+ Bật liên tục vào vòng, bật qua vạch kẻ

26	động, thể hiện sức mạnh, khéo léo khi bật về trước.	
27	-Thực hiện phối hợp vận động khéo léo khi bật định hướng	+ Nhảy vào nhảy ra theo trò chơi ếch ộp
28	-Thực hiện phối hợp vận động khéo léo khi bật tách khép chân	+ Bật tách khép chân.
29	-Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt, thể hiện sức mạnh, khéo léo khi ném.	+ Ném bóng vào đích (xa 70- 100cm).
30	- Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt, thể hiện sức mạnh khi ném xa bằng 1 tay	+ Ném xa lên trước bằng 1 tay tối thiểu (1,5m)
31	- Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt, thể hiện sức mạnh khi ném xa bằng 2 tay	+ Ném xa bằng 2 tay.
32	- Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt, thể hiện sự khéo léo khi ném vào đích	+ Ném vào đích theo trò chơi cho cá ăn.
33	- Thực hiện PH vận động tay – mắt, thể hiện sức mạnh, khéo léo khi ném bóng lên cao	+ Ném bóng bằng 2 tay qua dây (cao 80-100cm)
34	- Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt, thể hiện sự khéo léo khi tung, bắt bóng	+ Tung bóng lên cao - bắt bóng bằng 2 tay.
35	Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt, thể hiện sự khéo léo khi lăn bóng	+ Lăn bóng từng đôi một
36	Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt, thể hiện sự khéo léo khi lăn bóng vào đích	+ Lăn bóng vào đích xa 1-1,2m
37	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác xếp chồng, xếp cạnh 3-4 hộp	+ Xếp chồng, xếp cạnh 3-4 khối gỗ, hoặc đồ vật.
38	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác xếp chồng, xếp cạnh 4-6 hộp	+ Xếp chồng, xếp cạnh 4-6 khối gỗ, hoặc đồ vật.
39	-Phối hợp được các cử động	+ Xếp chồng, xếp cạnh 4-6 khối gỗ, hoặc đồ vật.

	của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác xếp chồng, xếp cạnh 6-8 hộp	
40	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác xếp chồng, xếp cạnh xen kẽ các màu sắc 6-8 hộp	+ Xếp chồng, xếp cạnh 6-8 khối gỗ, hoặc đồ vật xen kẽ màu sắc.
41	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác khâu vòng đồ chơi các con vật.	+ Khâu vòng đồ chơi các con vật
42	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác khâu vòng hoa	+ Khâu vòng các loại hoa
43	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác khâu vòng quả	+ Khâu vòng các loại quả
44	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác tập cài cúc, cởi cúc áo	+ Tập cài, cởi cúc áo
45	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác tập buộc và cởi dây dầy	+ Tập buộc và cởi dây dầy.
46	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác xếp khăn mặt	+ Tập Xếp khăn.
47	Trẻ biết phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt để sử dụng một số đồ dùng ăn uống.	+ Tập sử dụng đồ dùng ăn uống
48	Trẻ biết phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt trong hoạt động đi dầy dép	+ Tập đi dầy dép
49	Trẻ biết phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay xếp các áo quần đơn giản.	+ Tập xếp quần áo đi học.
50	- Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác chắp ghép, xếp hình 3-4 chi tiết.	+ Chắp ghép mảnh hình thành bức tranh, xếp ráp hình đơn giản từ các hình khối 3-4 mảnh ghép.
51	- Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay,	+ Tập cầm và sử dụng viết

	mắt thực hiện các thao tác cầm và sử dụng viết	
52	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác làm quen với sách.	+ Lật mở trang sách, vở.
53	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác đóng nước.	+ Đóng nước vào chai, bình.
54	-Phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, mắt thực hiện các thao tác chơi với cát.	+ Chơi với cát.
55	-Trẻ nhanh nhẹn, khéo léo, biết chơi các trò chơi vận động, vận động theo nhạc, TCDG	+ Trẻ biết chơi các trò chơi, vận động theo nhạc các bài hát theo chủ đề, chơi các trò chơi dân gian theo hướng dẫn của cô
56	-Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	+ Bé ăn được chế độ cơm nát, cơm thường ăn được các loại thức ăn khác nhau.
57	- Có một số thói quen tốt trong vệ sinh ăn, ngủ.	+ Ăn chín, uống chín; Rửa tay trước khi ăn; Lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; Có thói quen ngủ một giấc trưa.
58	- Biết sử dụng đồ dùng ăn uống đúng cách	+ Tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc.
59	- Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn.	+ Mặc quần áo, đi dày dép, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt...
60	- Thực hiện một số thao tác vệ sinh có sự hướng dẫn của cô.	+ Thực hiện thao tác đơn giản rửa tay, lau mặt.
61	- Nhận được ký hiệu cá nhân	+ Lấy và sử dụng đồ dùng cá nhân theo ký hiệu
62	-Trẻ có thói quen vệ sinh tốt	+ Đi vệ sinh đúng nơi quy định.
63	- Có thói quen vệ sinh chung	+ Lấy cát đồ chơi, bỏ rác đúng nơi quy định.
64	-Biết giữ gìn sức khỏe	+ Không ngậm tay và đồ chơi vào miệng, không dụi tay bẩn vào mắt, chấp nhận đội mũ khi đi nắng, đi dày, dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh, đeo khẩu trang phòng dịch.
	- Tránh xa đồ vật nguy hiểm	+ Không sờ tay vào ổ điện, bàn ủi, lưỡi dao, mảnh chai

	65	khi được nhắc nhở	lọ vỡ. Tránh xa bếp lò, bếp điện, nước sôi, bình thủy.
	66	- Không leo trèo, xô đẩy bạn.khi được nhắc nhở:	+ Không xô đẩy bạn, không chui đầu qua lan can, không chui vào thang máy, không leo trèo lên cây, lan can, bàn ghế...
	67	- Biết tuân thủ một số quy định giao thông đường thủy đơn giản.	+ Không chơi, không lại gần ao hồ, bể nước, lu khắp. + Đi thuyền, tàu thủy, phải phải mặc áo phao, ngồi ngay ngắn, không đùa giỡn.
	68	- Không chơi những nơi nguy hiểm	+ Không chơi dưới lòng đường không chơi gần đường sắt.
	69	- Biết tuân thủ một số quy định giao thông đường bộ đơn giản.	+ Không tự ý chạy qua đường khi không có người lớn, thích đội mũ bảo hiểm khi ngồi xe máy, đi tàu xe ngồi ngay ngắn, không đùa giỡn.
	70	- Biết giữ trật tự khi đến công viên, sở thú.	+ Không nghịch phá các con vật, không lại gần những con thú dữ.
Phát triển nhận thức	71	-Hiểu biết về một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc	+ Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + Nhận biết đồ chơi, đồ dùng của bản thân và của nhóm/ lớp. + Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
	72	- Nhận biết được các đặc điểm nổi bật của đồ dùng,đồ vật trong gia đình.	+ Biết tên gọi, đặc điểm cấu tạo của đồ dùng, đồ chơi trong gia đình.
	73	-Thể hiện sự hiểu biết về các bộ phận cơ thể bé	+ Nói được tên vị trí của một số bộ phận cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay chân, đầu, lưng bụng, chức năng của các bộ phận cơ thể... khi được hỏi.
	74	-Nhận biết được một số phương tiện giao thông đường bộ quen thuộc.	+ Biết được tên gọi, nơi hoạt động, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông gần gũi: Ô tô, xe đạp, xe máy.... + Biết thực hiện các quy định giao thông đường bộ đơn giản.
	75	-Nhận biết được một số phương tiện giao thông đường hàng không quen thuộc.	+ Biết được tên gọi, nơi hoạt động, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông hàng không: máy bay chở khách, máy bay trực thăng, máy bay thể thao, dù, kính khí cầu... + Biết thực hiện một số quy định giao thông đường không đơn giản.
	76	-Nhận biết được một số phương tiện giao thông đường sắt	+ Biết được tên gọi, nơi hoạt động, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông đường sắt: tàu điện, tàu hỏa . + Biết thực hiện một số quy định giao thông đường sắt đơn giản.
	77	-Nhận biết được một số phương tiện giao thông đường thủy	+ Biết được tên gọi, nơi hoạt động, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông đường thủy tàu, thuyền, ca nô.... + Biết thực hiện một số quy định giao thông đường thủy đơn giản.

78	-Nhận biết và phân biệt được đặc điểm nổi bật của một số con vật con vật nuôi.	+ Biết tên gọi và đặc điểm nổi bật như: hình dáng, màu sắc, cách di chuyển, tiếng kêu của một số con vật nuôi gần gũi: Bò, chó, mèo, gà, vịt, cá...; + Trẻ biết lợi ích và cách chăm sóc một số con vật nuôi trong gia đình.
79	-Nhận biết và phân biệt được đặc điểm nổi bật của một số con vật sống rừng.	+ Biết tên gọi và đặc điểm nổi bật như: hình dáng, màu sắc, thức ăn, cách di chuyển, tiếng kêu, lợi ích của một số con vật sống trong rừng: Voi, khỉ, hổ, ... + Trẻ nhận biết và tránh xa những con vật nguy hiểm.
80	-Nhận biết và phân biệt được đặc điểm nổi bật của một số con vật sống dưới nước	+ Biết tên gọi và đặc điểm nổi bật như: hình dáng, hình dáng, màu sắc, thức ăn, cách di chuyển, tiếng kêu, lợi ích của một số con vật sống dưới nước cá, cua, ốc, tôm... + Trẻ nhận biết và tránh xa những con vật nguy hiểm.
81	-Nhận biết và phân biệt được đặc điểm nổi bật của một số loại hoa cho quả.	+ Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số loại hoa cho quả: Cam, chuối, quả dưa, quả dưa, quả na, đu đủ, cà chua. + Thích ăn các loại trái cây để cơ thể khỏe mạnh.
82	-Nhận biết và phân biệt được đặc điểm nổi bật của một số loại hoa làm cảnh.	+ Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số loại hoa làm cảnh quen thuộc: hoa mai, hoa đào, hoa cúc, hoa hồng, mười giờ... + Không hái hoa, bẻ cành
83	-Nhận biết và phân biệt được hoa cánh to, hoa cánh nhỏ	+ Nhận biết, phân biệt hoa cánh to, hoa cánh nhỏ
84	- Nhận biết được một số loại hoa quả ngày tết	+ Hoa quả ngày tết
85	-Nhận biết và phân biệt được đặc điểm nổi bật của một số loại Rau ăn lá.	+ Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số loại rau ăn lá quen thuộc quen thuộc: mồng tơi, rau mồng, dền, + Thích ăn các loại rau để cơ thể khỏe mạnh.
86	-Nhận biết và phân biệt được đặc điểm nổi bật của một số loại ăn củ quen thuộc.	+ Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số loại rau ăn củ: Củ cải, cà rốt, su hào... + Thích ăn các loại rau để cơ thể khỏe mạnh.
87	-Nhận biết và phân biệt được đặc điểm nổi bật của một số loại ăn quả quen thuộc.	+ Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của một số loại rau ăn quả: cà chua, quả bí, quả bầu... + Thích ăn các loại rau củ để cơ thể khỏe mạnh.
88	Nhận biết một số màu đỏ	+ Chỉ/ nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ theo yêu cầu.
89	Nhận biết một số màu xanh	+ Chỉ/ nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu vàng, màu xanh theo yêu cầu.
90	Nhận biết một số màu vàng	+ Chỉ/ nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu vàng,

			xanh theo yêu cầu.
	91	- Nhận biết một số hình dạng cơ bản	+ Nhận biết các hình và khối tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.
	92	- Nhận biết, so sánh kích thước đồ vật quen thuộc.	+ Chỉ/ nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.
	93	- Nhận biết vị trí trong không gian của một số đồ dùng, đồ chơi	+ Vị trí trong không gian (Trên- dưới; trước – sau) so với bản thân trẻ.
	94	- Nhận biết, so sánh số lượng đồ dùng, đồ chơi	+ Số lượng (một – nhiều).
	95	-Nhận biết bản thân, những người gần gũi trong gia đình.	+ Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân và một số người thân gần gũi: Ông, bà, bố,mẹ, anh (chị), khi được hỏi. + Gọi được tên ngôi nhà và những đồ vật quen thuộc trong gia đình.
	96	- Nhận biết bản thân và những người gần gũi trong nhóm lớp.	+ Nói được tên một số bạn thân, tên cô giáo trong nhóm lớp khi được hỏi. + Nói được tên trường, nhóm lớp khi được hỏi
Phát triển ngôn ngữ	97	-Nghe và hiểu từ.	+ Nghe và hiểu được các từ: Bàn, ghế, giường, tủ, khăn, ca, mưa, nắng, nằm, ngồi....
	98	-Nghe và hiểu câu.	+ Nghe và thực hiện được một số yêu cầu đơn giản của người lớn (2-3 hành động đơn giản): Con cất đồ chơi, dép, giỏ...lên giá rồi đi rửa tay!...
	99	-Nghe và hiểu được lời nói với các sắc thái tình cảm khác nhau	+ Nhận biết được thái độ, trạng thái của người nói: vui, buồn, tức giận, sợ hãi.
	100	- Nghe hiểu, trả lời được các câu hỏi đơn giản.	+ Nghe và trả lời được các câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? “.....làm gì?”; “.....thế nào?”
	101	-Phát âm được các âm khác nhau	+ Phát âm được một số âm khác nhau + Phát âm rõ tiếng. + Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi
	102	-Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.	+ Trả lời và đặt được một số câu hỏi đơn giản “Con gì?”; “ Cái gì?”; “Làm gì” “ Ở đâu?”; “Thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”
	103	-Thể hiện nhu cầu cảm xúc của bản thân bằng lời nói.	+ Nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh + Nói được câu đơn có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. + Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau như: Chào hỏi, trò chuyện, bày tỏ nhu cầu của bản thân, hỏi về các vấn đề trẻ quan tâm như: Con gì đây? Cái gì đây ?... + Nói to, đủ nghe, lễ phép
	104	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề trường lớp của bé	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao về trường lớp MN. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.

		+ Sử dụng tranh và các từ,câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo
105	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề bản thân của bé	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao về bản thân. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ,câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo
106	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề gia đình	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao về gia đình. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ,câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo
107	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề những con vật đáng yêu	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao các con vật. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ,câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo
108	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề những loài hoa	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao về những loài hoa. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ,câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo
109	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề ngày tết.	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao ngày tết. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ,câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo

	110	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề các loại hoa quả	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao về các loại hoa quả. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ, câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo
	111	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề rau củ	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao rau củ quả. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ, câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo
	112	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề Phương tiện giao thông	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao các PTGT. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ, câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo
	113	-Làm quen với ngôn ngữ văn học nghe – hiểu; đọc - kể các tác phẩm văn học chủ đề mùa hè.	+ Thích thú khi nghe cô giáo hoặc người lớn đọc thơ, ca dao, đồng dao mùa hè. + Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. + Sử dụng tranh và các từ, câu đơn giản kể lại đoạn truyện khi trẻ được nghe nhiều lần, có sự gợi ý của cô. + Đọc được các bài thơ, ca dao, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo
	114	-Làm quen với sách	+ Thích nghe khi người lớn đọc sách. + Mở sách, xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. + Chỉ vào tranh kể được hành động nhân vật
Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	115	-Trẻ nhận thức về bản thân	+ Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi, giới tính) + Thể hiện điều mình thích, không thích bằng ngôn ngữ nói, điệu bộ. + Nói được một số nhu cầu đơn giản của bản thân.
	116	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc với con người và sự vật gần gũi	+ Nhận biết và biểu lộ một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, tức giận, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ của người khác.

117	- Biểu lộ mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi	+ Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói. + Chơi thân thiện với bạn, chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. + Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi.
118	-Có hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp sinh hoạt	+ Thực hiện một số hành vi văn hóa giao tiếp như: chào tạm biệt, cảm ơn!. Nói từ “Dạ”; “Vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu, cắn bạn. + Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
119	-Thực hiện một số hành vi xã hội đơn giản	+ Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (Trò chơi bế e, khuấy bột, cho em bé ăn, nghe điện thoại...) + Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.
120	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Trường lớp mầm non	+ Thích nghe hát, nghe nhạc các bài về trường lớp MN với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.
121	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Bản thân bé	+ Thích nghe hát, nghe nhạc Bản thân bé với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.
122	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Gia đình.	+ Thích nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau Gia đình; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.
123	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Những con vật đáng yêu.	+ Thích nghe hát, nghe nhạc Những con vật đáng yêu với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.
124	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Những con vật đáng yêu	+ Thích nghe hát, nghe nhạc Những con vật đáng yêu với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.
125	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Ngày tết	+ Thích nghe hát, nghe nhạc Ngày tết với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.

126	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Các loại quả	+ Thích nghe hát, nghe nhạc Các loại quả với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.
127	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Các loại rau.	+ Thích nghe hát, nghe nhạc Các loại rau với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.
128	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Phương tiện giao thông	+ Thích nghe hát, nghe nhạc Phương tiện giao thông với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.
129	-Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động âm nhạc, các bài hát chủ đề Mùa hè	+ Thích nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; + Thích nghe âm thanh của các nhạc cụ + Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc.
130	Trẻ thích cầm bút, vẽ tự do trên giấy	+ Trẻ tập cầm bút vẽ những nét nguệch ngoạc
131	Trẻ thích Cầm bút di màu trên các hình dạng tròn	+ Di màu quả bóng
132	Thích Cầm bút di màu trên các hình dạng vuông	+ Di màu chiếc yếm
133	Trẻ thích tô màu đồ chơi dạng tròn	+ Tô màu bong bóng
134	Tô màu trên các đồ chơi của bé	+ Tô màu cái trống lắc
135	Bé thích tô màu các đồ dùng ăn uống	Tô màu cái ca
136	Bé thích tô màu các đồ dùng gia đình	Tô màu cái xô
137	- Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động tô màu các loại quả	+ Tô màu quả táo
138	- Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động tô màu các loại củ	+ Tô màu củ cà rốt
139	- Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động tô màu động vật sống dưới nước	+ Tô màu con cá
140	- Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động tô màu động vật sống trong rừng	+ Tô màu con voi
141	- Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động tô màu các loại bánh ngày tết	+ Tô màu bánh chưng

142	Trẻ vẽ được các nét xiên	+ Vẽ mưa mùa xuân
143	Trẻ vẽ được các nét thẳng, xiên	+ Vẽ tia nắng
144	Trẻ tô màu được đồ dùng gia đình	+ Tô màu áo cho mẹ
145	Trẻ tô được những nét ngang	+ Tô màu đường về nhà
146	Trẻ tô màu được những nét cong tròn	+ Tô màu mũ bảo hiểm
147	Trẻ tô màu được những nét cong tròn, gợn sóng	+ Tô màu chiếc ô
148	Trẻ tô màu được những đồ vật có nhiều nét.	+ Tô màu bánh sinh nhật
149	- Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động vẽ những nét tròn.	+ Vẽ hoa tặng cô
150	Trẻ thích chơi với đất nặn	+ Véo nhỏ, gộp đất, nhồi đất
151	Thực hiện được các thao tác lăn đất thành viên tròn.	+ Lăn tròn.
152	Thực hiện được các thao tác lăn đất thành viên dài.	+ Lăn dài
153	Thực hiện được các thao tác ấn bẹt đất.	+ Ấn bẹt
154	Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động nặn các loại quả tròn	+ Nặn quả tròn
155	Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động nặn các loại quả dài	+ Nặn quả dài
156	Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động nặn các loại bánh	Nặn bánh tròn, bánh vuông
157	Thực hiện được các động tác vò, xé giấy	+ Vò, xé vụn giấy
185	Thực hiện được các động tác xé giấy thành giải	+ Xé giấy thành giải
159	Thực hiện được các động tác bôi hồ dán thêm chi tiết.	+ Dán lá cho cảnh hoa
160	Thực hiện được các động tác bôi hồ dán nối	+ Dán dây xúc xích

	161	Trẻ tô được những nét ngang, xiên, tròn	+ Tô màu ô tô
	162	Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động xé dán.	+ Xé theo đường kim châm
	163	Thể hiện cảm xúc qua các hoạt động xếp hình	- Ráp các mảnh hình thành bức tranh đơn giản từ 4-5 mảnh

2. KHỐI MẪU GIÁO

2.1. Khối mẫu: Căn cứ vào mục tiêu và kết quả mong đợi của từng lĩnh vực trong Chương trình GDMN, khả năng của trẻ và điều kiện thực tế của trường, lớp

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN	Số TT	MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN	NỘI DUNG GIÁO DỤC
Phát triển vận động	1	-Thực hiện đủ các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra -Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực -Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, phải + Nghiêng người sang trái, sang phải -Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang, ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ + Co duỗi chân
	2	-Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện được các động tác đi theo hướng thẳng.	+ Đi trong đường hẹp (3m x 0,2m).
	3	Đi phối hợp chân tay nhịp nhàng	- Đi trong đường ngoằn ngoèo
	4	Giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi trên vạch kẻ trên sân	- Đi trên vạch kẻ trên sân
	5	Giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m)	- Đi thăng bằng trên ghế thể dục
	6	-Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện được các động tác đi có mang vật trên đầu	+ Đi trong đường hẹp (3m x 0,3m) có mang vật trên đầu
	7	-Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện được các động tác đi kiễng gót.	+ Đi kiễng gót liên tục 3m.
	8	-Kiểm soát được các vận động chạy theo hiệu lệnh	+ Chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.
	9	Kiểm soát được các vận động đi theo các hướng	Đi theo đường zic zắc
	10	-Kiểm soát được các vận động chạy theo các hướng	+ Đi chạy liên tục thay đổi hướng theo đường zig zắc (3-4 điểm zic zắc) không chệch ra ngoài.
	11	-Kiểm soát được các vận động chạy theo hướng thẳng	+ Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng
	12	-Thực hiện được các động tác phối hợp: bò theo hướng thẳng	+ Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài, kết hợp bò chui qua cổng.

13	Thực hiện được các động tác vận động: Bò chui qua ống	Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6m
14	Thực hiện được các động tác vận động: Bò chui qua cổng	Bò chui qua cổng
15	Thực hiện được các động tác vận động: Bò bằng bàn tay và bàn chân	Bò bằng bàn tay và bàn chân
16	Thực hiện khéo léo bài tập trườn về phía trước	Trườn về phía trước
17	Thực hiện khéo léo bài tập trườn qua 3 - 4 chướng ngại vật	Trườn qua 3 - 4 chướng ngại vật
18	Thực hiện được các động tác vận động: Bước lên xuống bậc cao 30 cm.	+ Bước lên xuống bậc cao 30 cm.
19	Thực hiện được các động tác trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,0m - 1,2m	Trèo lên xuống thang độ cao 1,0m - 1,2m
20	-Thực hiện được các động tác vận động: bò theo các hướng.	+ Bò theo hướng đích đặt
21	Phối hợp khéo léo trong thực hiện bài tập bò	- Bò trong đường hẹp
22	Thực hiện được các động tác phối hợp tay, mắt trong vận động tung bắt với người lớn	+ Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi bóng khoảng cách (2,5m).
23	Thực hiện được các động tác phối hợp tay, mắt trong vận động chuyền bóng qua đầu, qua chân	Chuyền bóng qua đầu, qua chân
24	-Thực hiện được các động tác phối hợp tay, mắt trong vận động tự đập, bắt bóng.	+ Tự đập, bắt bóng được 3 lần liên (Đường kính bóng 18cm)
25	Thực hiện được các động tác vận động lăn bóng từng đôi 1	Lăn bóng từng đôi 1
26	Thực hiện được các động tác vận động lăn bóng vào khung thành	Lăn bóng vào khung thành
27	-Thực hiện được các động tác phối hợp tay, mắt trong vận động chuyền bắt bóng.	+ Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.
28	+ Thực hiện được các động tác	+ Ném xa bằng 2 tay.

		nhANH, mẠnh khÉo trong bài tập ném xa	
29		Thực hiện được các động tác nhanh, mạnh khéo trong bài tập ném xa	Ném xa bằng 1 tay
30		+ Thực hiện được các động tác nhanh, mạnh khéo trong bài tập vận động ném trúng đích.	+ Ném trúng đích nằm ngang (xa 1,5m)
31		+ Thực hiện được các động tác nhanh, mạnh khéo trong bài tập tổng hợp Bật tại chỗ theo trò chơi bắt bướm	Bật tại chỗ theo trò chơi bắt bướm
32		Thực hiện được các động tác nhanh, mạnh khéo trong bài tập bật sâu 25 cm	bật sâu 25 cm
33		+ Thực hiện được các động tác nhanh, mạnh khéo trong bài tập tổng hợp chạy nhanh	+ Chạy nhanh theo TC " thi xem tổ nào nhanh"
34		-Thực hiện các động tác bật tiến về trước	+ Bật liên tục về phía trước.
35		-Thực hiện các động tác bật xa	+ Bật xa 20-25 cm.
36		-Thực hiện được các vận động cổ tay, ngón tay.	+ Gập đan các ngón tay vào nhau. + Xoay tròn cổ tay.
37		-Thực hiện phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay trong các hoạt động vẽ và tô màu.	+ Vẽ được hình tròn theo mẫu, tô vẽ nguyệt ngoạc.
38		-Thực hiện phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay trong các hoạt động cắt.	+ Cắt thẳng được 1 đoạn 10cm
39		-Thực hiện phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay trong các hoạt động xé, dán.	+ Xé dán giấy.
40		-Thực hiện phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay trong các hoạt động cời nút, mở cúc	+ Tự cài và cởi cúc áo, mở dây dây.
41		Thực hiện phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay trong các hoạt động xếp hình	+ Xếp chồng các hình khối khác nhau (10-12 khối) không đổ.
42		- Nhận biết được một số thực phẩm	+ Nhận biết, gọi được tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)
43		- Nhận biết được một số món ăn quen thuộc	+ Biết tên một số món ăn quen thuộc trong các bữa ăn hằng ngày (Trứng rán, cá kho, canh rau...)
44		-Biết lợi ích của thức ăn đối với sức khỏe	+ Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) + Chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.

	45	Thực hiện được một số việc đơn giản tự phục vụ đánh răng, lau mặt với sự giúp đỡ của người lớn.	+ Chấp nhận và thực hiện các thao tác đánh răng, lau mặt, súc miệng.
	46	Thực hiện được thao tác rửa tay với sự giúp đỡ của người lớn.	+ Rửa tay bằng xà phòng, chải đầu.
	47	Sử dụng được các đồ dùng ăn uống	+ Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách
	48	Thực hiện được thao tác Tháo tất, cởi quần áo với sự giúp đỡ của người lớn	+ Tháo tất, cởi quần áo, đi dày dép...
	49	-Có hành vi tốt trong ăn uống	+ Ăn chín, uống nước đã đun sôi + Biết mời cô mời bạn khi ăn.
	50	-Có hành vi tốt trong vệ sinh phòng bệnh, biết giữ gìn sức khỏe	+ Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. + Biết nói với người lớn khi đau hoặc bị chảy máu.
	51	- Chấp nhận mặc trang phục theo thời tiết.	+ Nhận biết trang phục theo thời tiết, chấp nhận đội mũ khi đi nắng, mặc ấm khi trời lạnh, đi dép khi ra ngoài, đi học...
	52	-Nhận biết và tránh một số đồ vật nguy hiểm khi được nhắc nhở	+ Nhận biết và tránh một số đồ vật nguy hiểm: Bàn là, bếp đang nấu; phích nước nóng, ổ điện, các vật sắc, nhọn...) khi được nhắc nhở.
	53	-Nhận biết và tránh một số hành động nguy hiểm trong khi ăn uống khi được nhắc nhở	+ Biết tránh một số hành động nguy hiểm: (Không nói chuyện hoặc cười đùa khi ăn, không tự lấy thuốc uống; không trèo cây, không trèo lên lan can lầu và bàn ghế; + Không cười đùa khi ăn uống hoặc khi đang ăn các loại quả có hạt
	54	-Nhận biết và không chơi các đồ vật nguy hiểm	+ Không nghịch các vật sắc nhọn
	55	- Không đi theo hoặc nhận đồ của người lạ	+ Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp, không nhận đồ của người lạ.
	56	-Nhận biết và tránh xa nơi nguy hiểm	+ Nhận biết và tránh những nơi không an toàn (Hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố sâu, hố vôi...) khi được nhắc nhở. + Không xuống ao hồ, bể nước...để tắm. + Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ
Phát triển nhận	57	-Quan tâm, hứng thú quan sát các sự vật, hiện tượng gần gũi, hay đặt	+ Quan tâm, hứng thú với các sự vật hiện tượng gần gũi, chú ý quan sát, đặt câu hỏi về đối tượng. + Sử dụng các giác quan để xem xét tìm hiểu đối tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc

thức		câu hỏi về đối tượng.	điểm của đối tượng. + Làm một số thử nghiệm đơn giản như “ Chìm – nổi) có sự giúp đỡ của người lớn. + Thu thập thông tin bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh, ảnh và trò chuyện về các đối tượng. + Phân loại đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật.
58	Nói một số thông tin quan trọng về gia đình, nhu cầu của gia đình. Phân biệt các kiểu nhà		- Biết về các thành viên trong gia đình, các thông tin về gia đình: Họ tên bố, mẹ, anh, số nhà, số điện thoại của bố, mẹ, Nghề nghiệp của bố, mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình, qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). - Biết các nhu cầu cần thiết của gia đình như nhu cầu ăn, mặc, vui chơi, giải trí, đi lại... -Biết tên, đặc điểm, chất liệu một số kiểu nhà, các phòng trong gia đình bé.
59	-Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng		+ Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.
60	-Thể hiện sự hiểu biết về đối tượng		+ Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. + Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.
61	-Khám phá các bộ phận cơ thể con người.		+Tên gọi, vị trí chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
62	-Khám phá các đồ dùng, đồ chơi		+ Tên gọi, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng và bảo quản đồ dùng đồ chơi. + Phân loại đồ dùng đồ chơi theo công dụng, chất liệu...
63	-Trẻ làm quen các phương tiện giao thông.		+ Tên gọi, đặc điểm nổi bật: Tiếng còi, nơi hoạt động, vận tốc ..., công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc: PTGT đường bộ; PTGT đường sắt; PTGT đường thủy; PTGT đường không. + Phân loại các nhóm PTGT theo dấu hiệu. + So sánh vận tốc Nhanh – chậm
64	Trẻ làm quen các luật giao thông		+ Một số luật đi đường đơn giản. + Một số biển báo giao thông đơn giản
65	-Tìm hiểu về một số động vật quen thuộc.		+ Tên gọi, đặc điểm nổi bật, môi trường sống và ích lợi của con vật quen thuộc. + Mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống của chúng. + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi. + Phân nhóm động vật theo 1-2 dấu hiệu chung.
66	-Tìm hiểu về một số thực vật quen thuộc.		+ Tên gọi, đặc điểm nổi bật, môi trường sống và ích lợi của các loại cây, hoa, quả quen thuộc. + Mối liên hệ đơn giản giữa các loại cây hoa quả quen thuộc với môi trường sống của chúng. + Cách chăm sóc và bảo vệ cây.

		+ Phân nhóm cây, hoa, quả theo 1 dấu hiệu chung.
67	-Khám phá một số hiện tượng thiên nhiên: thời tiết, mùa trong năm.	+ Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.
68	- Khám phá ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.	+ Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. + So sánh sự khác nhau giữa ngày và đêm.
69	-Khám phá đặc điểm và công dụng của nước.	+ Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. + Lợi ích của nước với đời sống con người, con vật, cây cối. + Bảo vệ nguồn nước sạch.
70	-Khám phá đặc điểm ích lợi của không khí, ánh sáng.	+ Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày. + Ích lợi của không khí, ánh sáng với con người, cây cối, con vật.
71	-Khám phá một số loại đất, cát sỏi thiên nhiên.	+ Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi
72	-Nhận biết số đếm, tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm,	+ Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. + Đếm trên đối tượng giống nhau, đếm đến 5 và đếm theo khả năng.
73	Đếm nhóm có 1 - 2 đối tượng, nhận biết chữ số 1, 2.	Dạy trẻ S lượng 1, 2
74	Đếm nhóm có 3 đối tượng, nhận biết chữ số 3.	Dạy trẻ S lượng 3
75	Đếm nhóm có 4 đối tượng, nhận biết chữ số 4.	Dạy trẻ S lượng 4
76	Đếm nhóm có 5 đối tượng, nhận biết chữ số 5.	Dạy trẻ S lượng 5
77	Trẻ so sánh, thêm bớt phân chia các đối tượng	So sánh, thêm bớt phân chia nhóm có 3 đối tượng
78	Trẻ so sánh, thêm bớt phân chia các đối tượng	So sánh, thêm bớt phân chia nhóm có 4 đối tượng
79	Trẻ so sánh, thêm bớt phân chia các đối tượng	So sánh, thêm bớt phân chia nhóm có 5 đối tượng
80	Củng cố phân biệt màu sắc đồ vật	Dạy trẻ nhận biết phân biệt màu sắc
81	so sánh 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5.	+ So sánh số lượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
82	Biết tách 1 nhóm thành hai, nhiều nhóm trong phạm vi 5	+ Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.
83	Gộp hai nhóm đối tượng thành một nhóm trong phạm vi 5	+ Biết gộp 2 nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.
84	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	Xếp xen kẽ các hình hình học để tạo các đồ vật.
85	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản theo quy tắc.	Xếp theo quy tắc

86	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản theo quy tắc.	+ Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.
87	- Biết ghép đôi tương ứng 1-1. Xếp tương ứng từng đôi một.	+ Xếp tương ứng 1-1; ghép đôi,
88	- So sánh chiều dài của 2 đối tượng. nói được dài hơn, ngắn hơn.	So sánh Phân biệt dài – ngắn
89	So sánh chiều rộng của 2 đối tượng. nói được rộng hơn, hẹp hơn	So sánh, phân biệt rộng – hẹp
90	So sánh chiều cao của 2 đối tượng. nói được thấp hơn, cao hơn,	So sánh, nhận biết được sự khác nhau về cao - thấp của hai đối tượng.
91	So sánh về kích thước 2 đối tượng	So sánh, Phân biệt to – nhỏ giữa 2 đối tượng
92	So sánh số lượng hai nhóm đối tượng (nhiều hơn, ít hơn)	Ít – Nhiều.
93	- Nhận biết phân biệt hình dạng hình tam giác, hình chữ nhật.	+ Nhận dạng và gọi tên các hình: hình tam giác, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. + Sử dụng các hình hình học để lắp ghép
94	Nhận biết phân biệt hình dạng hình vuông, tròn	Nhận dạng và gọi tên các hình: hình vuông, hình tròn, và nhận dạng các hình đó trong thực tế. + Sử dụng các hình hình học để lắp ghép
95	- Nhận biết vị trí trong không gian trước sau so với bản thân	+ Nhận biết phía trước – phía sau so với bản thân. + Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.
96	Nhận biết vị trí trong không gian trên dưới so với bản thân	Nhận biết phía trên – phía dưới so với bản thân
97	Nhận biết vị trí tay phải, trái của bản thân	Phân biệt tay phải – tay trái của bản thân
98	Nhận biết vị trí trong không gian phía phải trái so với bản thân	Nhận biết phía phải – phía trái so với bản thân
99	Nhận biết phân biệt hình học trong cuộc sống	Lắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới.
100	Nhận biết vị trí trong không gian trên dưới so với bạn khác	Nhận biết phía trên – phía dưới so với bạn khác
101	Nhận biết vị trí trong không gian phía phải trái so với bạn khác	Nhận biết phía phải – phía trái so với bạn khác
102	- Nhận biết vị trí trong không gian trước sau so với bạn khác	+ Nhận biết phía trên – phía dưới so với bạn khác + Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bạn khác.
103	- Nhận biết và định hướng thời gian.	+ Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều, tối. + Gọi tên các thứ trong tuần
104	- Nhận biết về bản thân, gia đình.	+ Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện + Nói được tên của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình, địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, hoặc khi xem ảnh về gia đình.

	105	Nhận biết về trường, lớp mầm non và cộng đồng.	+ Nói được tên trường/ lớp mẫu giáo, tên của cô giáo khi được hỏi, trò chuyện. + Nói được tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
	106	-Trẻ, nhận biết được một số nghề phổ biến, quen thuộc, nghề truyền thống của địa phương.	+ Kể tên được một số nghề quen thuộc, nhận được sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến tại địa phương.
	107	-Trẻ nhận biết một số danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa.	+ Nhận biết cờ tổ quốc, kể tên của một vài danh lam, thắng cảnh của địa phương. + Kể được tên một số lễ hội: ngày hội đến trường của bé, Ngày tết trung thu; Ngày tết nguyên đán; Ngày quốc tế thiếu nhi; Ngày tết thầy cô giáo; Ngày quốc tế phụ nữ...qua trò chuyện, tranh ảnh.
	108	Biết về Bác hồ và các cháu thiếu nhi	- Biết tên, ngày sinh, quê hương của Bác Hồ - Biết Bác hồ rất yêu thương các cháu thiếu nhi
Phát triển ngôn ngữ	109	-Nghe, hiểu các từ khái quát gần gũi, quen thuộc;	+ Nghe hiểu nghĩa của các từ khái quát chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc : Quần áo, đồ chơi, hoa quả... + Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép, câu mở rộng.
	110	Nghe, hiểu trả lời và làm theo một số yêu cầu đơn giản	+ Nghe, hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản, ví dụ “Cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ!”. + Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại (Cái gì? Ở đâu? Làm gì?)
	111	-Nghe, hiểu nội dung bài hát,	+ Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với lứa tuổi.
	112	Nghe, hiểu nội dung bài thơ, câu chuyện.	+ Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.
	113	-Nói rõ các tiếng,	+ Phát âm rõ ràng để người khác hiểu được. + Nói đủ nghe, không nói lí nhí.
	114	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu bản thân	+ Bày tỏ tình cảm, nhu cầu của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép
	115	-Sử dụng đúng từ, ngữ câu trong giao tiếp hằng ngày.	+ Trả lời và đặt câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”; “Tại sao?” + Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... + Sử dụng từ biểu thị sự lễ phép: vâng ạ, dạ, thưa...
	116	Sử dụng cử chỉ điệu bộ, ánh mắt, nét mặt...trong giao tiếp hằng ngày.	+ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp.
	117	Đọc thơ, ca dao, đồng dao,	+ Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè phù hợp với lứa tuổi.
	118	Kể chuyện theo hướng dẫn của người lớn.	+ Kể chuyện đơn giản đã được nghe có sự giúp đỡ của người lớn. + Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện + Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. + Mô tả lại sự việc, tranh ảnh có sự giúp đỡ + Kể lại sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân

			như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...
	119	Làm quen với đọc – viết,.	+ Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống(nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông...) + Làm quen chữ viết trên các góc, khu vực trong lớp, trường
	120	Làm quen với sách	+ Tiếp xúc với chữ, sách, truyện, đề nghị người khác đọc sách cho nghe. + Thích xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. + Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: Thích vẽ, viết nguệch ngoạc. + Cầm sách đúng chiều và mở sách, nhìn vào tranh minh họa và gọi tên các nhân vật trong tranh + Giữ gìn sách.
Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội.	121	-Tự ý thức về bản thân.	+ Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ. + Những điều bé thích, không thích.
	122	-Thể hiện sự tự tin, tự lực.	+ Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi + Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)
	123	-Thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người.	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, qua tranh ảnh.
	124	Biết biểu lộ cảm xúc tích cực khi được xem tranh,ảnh Bác Hồ, cảnh đẹp .	+ Nhận ra hình ảnh Bác Hồ + Thích nghe kể chuyện, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.
	125	-Biết biểu lộ cảm xúc của bản thân.	+ Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, đóng kịch (Sợ hãi, tức giận)
	126	-Thực hiện những thói quen và quy tắc ứng xử xã hội phù hợp.	+ Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, cất xếp đồ sau khi chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ)
	127	Thực hiện các hành vi, quy tắc lễ giao trong giao tiếp ứng xử hàng ngày	+ Cử chỉ, lời nói lễ phép (biết nói lời chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi) khi được nhắc nhở. + Nhận biết hành vi “đúng- sai, tốt –xấu”
	128	-Biết hợp tác	+ Chờ đến lượt, chơi hòa thuận với bạn + Chú ý nghe khi cô, bạn nói + Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.
	129	-Biết quan tâm đến môi trường.	+ Tiết kiệm điện, nước.

	130	-Biết quan tâm đến môi trường.	+ Giữ gìn vệ sinh môi trường.
	131	-Biết quan tâm đến môi trường.	+ Bỏ rác đúng nơi quy định
	132	-Biết quan tâm đến môi trường.	+ Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên, chăm sóc con vật và cây cối.
Phát triển thẩm mỹ	133	-Cảm nhận vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	+ Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	134	-Cảm nhận vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	+ Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi được nghe các âm thanh gọi cảm, và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng
	135	Thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	+ Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, lắc lư, nhún nhảy theo điệu nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện.
	136	-Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc	+ Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca) + Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.
	137	Có kỹ năng vận động theo nhạc	+ Vận động theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa). + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
	138	-Có một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình vẽ và tô màu;	+ Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản; + Tô màu không lem ra ngoài
	139	- Có một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình nặn	+ Lăn dọc, xoay tròn, ấn bẹt tạo thành các sản phẩm có từ 1 khối đến 3 khối;
	140	- Có một số kỹ năng trong hoạt động tạo hình xé dán	+ Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.
	141	- Có một số kỹ năng tổng hợp trong hoạt động tạo hình để tạo ra sản phẩm đơn giản	+ Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản có sự gợi ý. + Xếp chồng, xếp cạnh để tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản
	142	-Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật âm nhạc	+ Vận động theo ý thích các bản nhạc quen thuộc.
	143	-Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật tạo hình	+ Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. + Biết đặt tên cho sản phẩm của mình. + Nhận xét sản phẩm tạo hình.

2.2. Khối Chồi: Căn cứ vào mục tiêu và kết quả mong đợi của từng lĩnh vực trong Chương trình GDMN, khả năng của trẻ và điều kiện thực tế của trường, lớp.

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN	SỐ TT	MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN	NỘI DUNG GIÁO DỤC
Phát triển vận động	1	-Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng, các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp theo hiệu lệnh.	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong các bài tập phát triển chung theo hiệu lệnh. + Tay: Đưa lên cao ra trước, sang 2 bên kết hợp vẫy bàn tay, nắm mở bàn tay; Co duỗi tay, vỗ hai tay vào nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu) + Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước; ngửa người ra sau; quay sang trái, phải; nghiêng người sang trái, phải. + Chân: nhún chân; ngồi xổm, đứng lên; bật tại chỗ; đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.
	2	-Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi trên ghế thể dục	+ Bước đi liên tục trên ghế thể dục
	3	-Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi trên vạch kẻ	+ Bước đi liên tục trên vạch kẻ thẳng trên sàn.
	4	-Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi trên ghế thể dục kết hợp đầu đội túi cát	+ Bước đi liên tục trên ghế thể dục đầu đội túi cát
	5	-Khả năng vận động dẻo dai và điều chỉnh vận động của cơ thể	+ Đi kiễng gót, đi bằng gót chân
	6	-Khả năng vận động dẻo dai và điều chỉnh vận động của cơ thể	+ Đi bước lùi 3m
	7	-Khả năng vận động dẻo dai và điều chỉnh vận động của cơ thể	+ Đi bước dòn ngang
	8	-Khả năng vận động dẻo dai và điều chỉnh vận động của cơ thể	+ Đi nối tiếp bàn chân lên phía trước (đi bước dòn trước)
	9	-Kiểm soát được các vận động đi theo các hướng.	+ Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh
	10	-Kiểm soát được các vận động đi theo các hướng.	+ Đi thay đổi hướng (dích dắc) theo vật chuẩn (4-5 vật chuẩn).
	11	-Kiểm soát được các vận động chạy theo đường dích dắc.	+ Chạy theo đường dích dắc
	12	-Kiểm soát được các vận động	+ Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.

	chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	
13	-Kiểm soát được các vận động chạy chậm 60 -80m	+ Chạy chậm 60 – 80m
14	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập phối hợp bò zích zắc	+ Bò trong đường dích dắc
15	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập phối hợp bò – chui qua cổng	+ Bò chui qua cổng
16	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập phối hợp bò – chui qua ống dài	+ Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m.
17	- Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập phối hợp bò – chui, bật qua các ô	+ Bò chui qua cổng, kết hợp bật qua 5 ô
18	-Thực hiện được các động tác phối hợp bò bằng bàn tay và bàn chân.	+ Bò bằng bàn tay và bàn chân (3-4m)
19	-Thực hiện được các động tác phối hợp trèo bằng bàn tay và bàn chân.	+ Trèo lên xuống thang
20	-Thực hiện được các động tác phối hợp trườn thấp..	+ Trườn thấp theo hướng thẳng
21	-Thực hiện được các động tác phối hợp tay và mắt trong vận động ném trúng đích nằm ngang	+ Ném trúng đích nằm ngang
22	-Thực hiện được các động tác phối hợp tay và mắt trong vận động ném trúng đích thẳng đứng	+ Ném trúng đích đứng
23	-Thực hiện được các động tác phối hợp tay và mắt trong vận động ném xa bằng 1 tay	+ Ném xa bằng 1 tay
24	-Thực hiện được các động tác phối hợp tay và mắt trong vận động ném xa bằng 2 tay	+ Ném xa bằng 2 tay
25	Thực hiện được các động tác phối hợp tay và mắt trong vận động ném qua đích nằm ngang.	+ Ném qua dây (cao 1,5m, xa 2m)
26	-Thực hiện được các động tác phối hợp tay và mắt trong vận động Tung – Bắt	+ Tung bóng lên cao và bắt bóng bằng 2 tay
27	-Thực hiện được các động tác phối hợp với cô và bạn vận động Tung – Bắt	+ Tung bắt bóng với người đối diện (khoảng cách 2m)
28	-Thực hiện được các động tác phối hợp đập và bắt bóng	+ Đập bóng xuống sàn và bắt bóng khi bóng nảy lên

29	-Thực hiện được các động tác phối hợp chuyền và bắt bóng qua đầu	+ Chuyền, bắt bóng qua đầu
30	-Thực hiện được các động tác phối hợp chuyền và bắt bóng qua chân	+ Chuyền, bắt bóng qua chân
31	-Thực hiện được các động tác bật nhảy bật xa.	+ Bật xa 35-40cm
32	-Thực hiện được các động tác bật nhảy bật sâu.	+ Bật sâu 30-35cm
33	-Thực hiện được các động tác bật nhảy bật tách khếp chân.	+ Bật tách, khếp chân qua 5 - 7 ô
34	-Thực hiện được các động tác bật qua vật cản	+ Bật qua vật cản 10-15cm
35	-Thực hiện được các động tác bật liên tục về phía trước	+ Bật liên tục về phía trước
36	-Thực hiện được các động tác bật nhảy lò cò	+ Nhảy lò cò 1,5 m
37	-Thực hiện được các vận động của cổ tay.	+ Cuộn – xoay tròn cổ tay, gập, mở các ngón tay.
38	-Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay; phối hợp tay - mắt trong một số vận động tinh gấp, xếp.	+ Gấp xếp giấy, gấp xếp quần áo + Biết tết sợi đôi.
39	-Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay; phối hợp tay - mắt trong một số vận động tinh xé, cắt, dán.	+ Xé, cắt, dán thành thạo theo đường thẳng.
40	-Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay; phối hợp tay - mắt trong một số vận động tinh tô, vẽ, đồ khảm	+ Tô, đồ, khảm, vẽ hình người, nhà, cây cối...
41	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay; phối hợp tay - mắt trong một số thao tác tự phục vụ	+ Tự cài, cởi cúc áo, buộc dây giày, kéo khóa (Phéc mơ tuya)....
42	-Biết một số món ăn hàng ngày, cách chế biến đơn giản.	+ Nói tên và cách chế biến đơn giản của một số món ăn hàng ngày: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo có thể nấu cơm, nấu cháo
43	-Biết một số thực phẩm cùng nhóm	+ Nhận biết những thực phẩm cùng nhóm trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng) + Thịt cá...có nhiều chất đạm + Rau, quả chín có nhiều vitamin.
44	-Biết ích lợi của thức ăn đối với sức khỏe, biết ăn nhiều loại thức	+ Nhận biết sự liên quan của việc ăn uống với bệnh tật.(ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng,

	ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	béo phì...) + Lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất, biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng giúp cơ thể cao lớn, khỏe mạnh.
45	-Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	+ Tự lau mặt, đánh răng.
46	-Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt như rửa tay trước khi ăn...	+ Tự rửa tay bằng xà phòng
47	-Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt khi được nhắc nhở.	+ Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn.
48	-Biết sử dụng dụng cụ ăn uống gọn gàng.	+ Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, không làm đổ thức ăn.
49	-Có một số hành vi tốt trong ăn uống	+ Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ + Chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau; + Không uống nước lã + Không ăn những loại thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ, không uống rượu, bia, cà phê.
50	-Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh phòng bệnh, giữ gìn sức khỏe và an toàn.	+ Tập một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. + Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường với sức khỏe con người. + Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. + Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. + Đội mũ khi ra nắng, mặc ấm, đi tất khi trời lạnh, đi giày dép khi đi học + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu, bị sốt... + Đi vệ sinh và bỏ rác đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi quy định.
51	-Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm	+ Nhận biết những đồ vật nguy hiểm như: Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, ổ cắm điện, các vật sắc nhọn... là những vật dụng nguy hiểm, không đến gần, không nghịch.
52	-Nhận biết những nơi nguy hiểm, không được chơi gần	+ Biết những nơi như hồ, ao, ruộng nước, suối, bể lu, đập chứa nước...là nơi nguy hiểm không được chơi gần.
53	-Biết những hành động nguy hiểm	+ Biết tránh một số hành động nguy hiểm: (Không nói chuyện hoặc cười đùa khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt; không tự lấy thuốc uống khi không được phép của

			người lớn;
	54	-Biết những hành động nguy hiểm và phòng tránh	+ Không trèo cây, không trèo lên lan can lầu và bàn ghế;
	55	-Biết những hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	+ Không nghịch các vật sắc nhọn, không theo người lạ ra khỏi khu vực trường, lớp.
	56	-Biết những hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	+ Không xuống hoặc chơi gần ao hồ, bể nước, giếng, cống...
	57	-Biết những hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	+ Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
	58	+ Biết gọi người giúp đỡ.	+ Biết gọi người lớn giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.
	59	+ Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	+ Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp như: Cháy, có người ngã xuống nước, bị đau, chảy máu...
Phát triển nhận thức	60	-Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh	+ Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự hướng dẫn gợi ý của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị út?...
	61	-Khám phá các bộ phận cơ thể, phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng	+ Khám phá đặc điểm chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. + Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp các hành động như: Nhìn, nghe, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.
	62	-Làm thử nghiệm đơn giản; nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	+ Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu, đường, muối vào nước, dự đoán, so sánh kết quả... + Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi: Ví dụ: Cho thêm đường/ muối nên nước mặn/ ngọt hơn.
	63	-Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết các vấn đề đơn giản.	+ Sử dụng các thức thích hợp để giải quyết các vấn đề đơn giản ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô chạy nhanh hơn, bỏ thêm đồ vào đĩa cân để cân thăng bằng, cho thêm đường để nước ngọt hơn...
	64	-Thu thập thông tin về đối tượng	+ Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh, ảnh, nhận xét và trò chuyện..

65	-Biết phân loại đối tượng	+ Phân loại các đối tượng theo một hoặc 2 dấu hiệu. + Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.
66	-Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	+ Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình thông qua vai chơi, ca nhạc và các sản phẩm tạo hình.
67	-Quan tâm khám phá các đồ dùng, đồ chơi	+ Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + So sánh sự giống, và khác nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi + Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.
68	-Thể hiện sự hiểu biết về các phương tiện giao thông;	+ Đặc điểm, công dụng, nơi hoạt động của một số phương tiện giao thông và phân loại PTGT theo 1-2 dấu hiệu.
69	-Thể hiện sự hiểu biết về một số quy định, luật giao thông.	+ Một số quy định của luật giao thông. + Đội mũ bảo hiểm khi ngồi xe gắn máy.
70	-Thể hiện sự hiểu biết về một số biển báo giao thông.	+ Các biển báo giao thông quen thuộc.
71	-Khám phá một số động vật quen thuộc.	+ Đặc điểm nổi bật của con vật gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. + So sánh sự khác nhau giống nhau của 2 con vật + Phân loại con vật theo 1-2 dấu hiệu + Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống. + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật
72	-Khám phá một số cây quen thuộc.	+ Đặc điểm nổi bật của cây gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. + So sánh sự khác nhau giống nhau của 2 cây + Phân loại cây theo 1-2 dấu hiệu + Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống. + Cách chăm sóc và bảo vệ cây cối.
73	-Khám phá một số hoa quen thuộc.	+ Đặc điểm nổi bật của hoa quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. + So sánh sự khác nhau giống nhau của hoa + Phân loại hoa theo 1-2 dấu hiệu + Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản

		giữ hoa với môi trường sống. + Cách chăm sóc và bảo vệ hoa
74	-Khám phá một số quả quen thuộc.	+ Đặc điểm nổi bật của quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. + So sánh sự khác nhau giống nhau của 2 quả + Phân loại quả theo 1-2 dấu hiệu + Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa quả với môi trường sống. + Cách chăm sóc và bảo vệ cây quả
75	-Khám phá một số hiện tượng thiên nhiên: thời tiết.	+ Khám phá một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. + Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi.
76	-Khám phá một số hiện tượng thiên nhiên: các mùa trong năm.	+ Nhận biết và gọi được tên bốn mùa.
77	- Khám phá ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.	+ So sánh sự khác nhau giữa ngày và đêm.
78	-Khám phá nguồn gốc, đặc điểm và công dụng của nước.	+ Các nguồn nước trong môi trường sống. + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây cối. + Một số đặc điểm tính chất của nước. + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước sạch.
79	-Trẻ khám phá đặc điểm ích lợi của không khí, ánh sáng	+ Khám phá sự kỳ diệu của không khí. + Các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây cối.
80	-Trẻ khám phá một số loại đất, cát sỏi thiên nhiên.	+ Khám phá một vài đặc điểm, tính chất của đất đá, cát, sỏi.
81	-Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh	- Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật xung quanh, hay hỏi về số lượng như: Bao nhiêu? Là số mấy? Phần nào nhiều hơn? Ít hơn? Cái nào to hơn?, Nhỏ hơn?...
82	-Làm quen với tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.	+ Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. + Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự từ 1-5 + Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.
83	-So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10	+ So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn...
84	-Xếp tương ứng từng đôi một	+ Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.
85	-Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng 5	+ Gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.
86	-Tách 1 nhóm đối tượng thành	+ Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm

	các nhóm nhỏ hơn trong phạm vi 5.	nhỏ hơn.
87	-Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày	+ Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, số xe, số thứ tự, số trên đồng hồ...)
88	-So sánh, sắp xếp các đối tượng theo quy tắc chung.	+ So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. + Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.
89	-Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả và so sánh.	+ Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo, đo bằng hai đơn vị đo khác nhau. + Đo dung tích của 2 đối tượng bằng một đơn vị đo.
90	-Nhận biết và phân biệt hình dạng	+ So sánh, chỉ ra các điểm giống nhau, khác nhau giữa 2 hình: Hình vuông – chữ nhật; hình tròn và hình tam giác.
91	-Ghép các hình thành hình mới	+ Ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. + Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.
92	-Xác định hướng trong không gian và thời gian (trước, sau)	+ Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước-phía sau;) + Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.
93	-Xác định hướng trong không gian và thời gian (trên – dưới)	+ Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trên – phía dưới)
94	-Xác định hướng trong không gian và thời gian (tay trái, tay phải).	+ Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ (tay trái – tay phải)
95	-Xác định hướng trong không gian và thời gian (phía trái, phía phải)	+ Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía phải – phía trái)
96	-Xác định hướng trong không gian và thời gian (các buổi trong ngày)	+ Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày
97	-Trẻ khám phá bản thân.	+ Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
98	-Trẻ khám phá trường lớp mầm non, cộng đồng (các cô bác trong trường)	+ Nói tên lớp của bé, tên và công việc của cô giáo và các cô, bác nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.
99	-Trẻ khám phá trường lớp mầm non, cộng đồng (các bạn)	+ Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường khi được hỏi, trò chuyện.
100	-Trẻ khám phá gia đình	+ Họ tên, công việc của bố, mẹ, những người

			thân trong gia đình và công việc của họ.
	101	-Trẻ khám phá nhu cầu gia đình	- Một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình.
	102	-Trẻ khám phá một số nghề quen thuộc gần gũi.	+ Tên gọi, công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi..... của các nghề phổ biến, nghề khi được hỏi, trò chuyện.
	103	-Trẻ khám phá một số danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa.	+ Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. + Kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội và một vài di tích, danh lam thắng cảnh ở địa phương
Phát triển ngôn ngữ	104	-Hiểu các yêu cầu, nội dung giao tiếp hằng ngày.	+ Hiểu và thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp.
	105	-Nghe và hiểu các yêu cầu	+ Nghe và hiểu nội dung các câu đơn giản,
	106	-Nghe và hiểu các yêu cầu, nội dung giao tiếp hằng ngày.	+ Nghe và hiểu nội dung các câu mở rộng, câu phức, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.
	107	-Lắng nghe và trao đổi nội dung giao tiếp hằng ngày.	+ Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.
	108	-Nghe, hiểu nghĩa các từ khái quát.	+ Các từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ, đồ kim loại...
	109	-Nghe, hiểu nghĩa các từ tính chất.	+ Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, các từ biểu cảm.
	110	-Nghe, hiểu nội dung câu chuyện.	+ Nghe hiểu nội dung truyện kể, chuyện đọc phù hợp với độ tuổi và đặt câu hỏi theo nội dung truyện.
	111	-Nghe các bài hát, ...phù hợp độ tuổi	+ Nghe các bài hát, phù hợp với độ tuổi.
	112	-Nghe các thơ, ca dao ...phù hợp độ tuổi	+ Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.
	113	-Nói rõ, phát âm rõ các tiếng chứa âm khó	+ Phát âm được các tiếng có chứa các âm khó.
	114	-Nói rõ để người nghe có thể hiểu được,	+ Nói rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.
	115	-Biết bày tỏ tình cảm, nhu cầu bản thân	+ Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
	116	-Trẻ sử dụng được từ ngữ trong giao tiếp hằng ngày.	+ Sử dụng đúng các từ biểu thị sự lễ phép như: mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi..trong giao tiếp.
	117	-Trẻ sử dụng được từ ngữ, trả lời và đặt câu hỏi phù hợp trong giao tiếp hằng ngày.	+ Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”; “Cái gì?”; “Ở đâu?”; “Khi nào?”; “Để làm gì?”
	118	-Trẻ sử dụng được nét mặt, cử chỉ, giọng điệu phù hợp trong giao tiếp hằng ngày.	+ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. + Điều chỉnh ngữ điệu giọng phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.
	119	-Sử dụng được các từ chỉ sự vật,	+ Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động,

		hoạt động, đặc điểm...,	đặc điểm...,
	120	-Sử dụng được các câu.	+ Sử dụng được các loại câu đơn,
	121	-Sử dụng các loại câu khó hơn (câu ghép, câu phủ định..)	+ Sử dụng được các loại câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.
	122	-Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao, kể chuyện theo hướng dẫn của người lớn.	+ Đọc thuộc lòng các bài thơ ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè phù hợp với lứa tuổi.
	123	-Kể chuyện theo hướng dẫn của người lớn.	+ Kể lại chuyện đã được nghe; + Kể chuyện có mở đầu, kết thúc. + Bắt trước giọng nói, điệu bộ của các nhân vật trong chuyện : đóng kịch.
	124	-Kể chuyện, mô tả lại chuyện theo hướng dẫn của người lớn.	+ Mô tả lại sự vật, hiện tượng trong tranh, ảnh.
	125	-Kể chuyện trình tự theo hướng dẫn của người lớn.	+ Kể lại sự việc đơn giản theo trình tự thời gian.
	126	-Làm quen với đọc – viết.	+ Mô tả các hành động của các nhân vật trong tranh
	127	-Làm quen với đọc sách.	+ Xem và đọc các loại sách khác nhau. + Làm quen với các đọc và viết tiếng Việt: cầm sách đúng chiều, hướng đọc viết từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới; hướng viết của các chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
	128	-Trẻ làm quen với sách	+ Chọn sách để xem + Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. + Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh, ảnh “Đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vẹt) + Giữ gìn bảo vệ sách.
	129	-Trẻ làm quen với sách, mô tả các hành động của nhân vật	+ Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh
	130	-Nhận ra các ký hiệu thông thường trong cuộc sống	+ Nhận ra các ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, cấm lửa, lối ra, nơi nguy hiểm...)
	131	-Biết sử dụng ký hiệu.	+ Sử dụng ký hiệu để viết: Tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...
Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội.	132	-Thể hiện ý thức về bản thân.	+ Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân. + Biết được sở thích và khả năng của bản thân: Nói được những điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.
	133	-Thể hiện ý thức về người thân.	+ Nói được tên bố, tên mẹ. + Yêu mến, quan tâm đến người thân và bạn bè.
	134	-Thể hiện sự tự tin.	+ Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích
	135	-Thể hiện sự tự lực.	+ Cố gắng hoàn thành công việc được giao như (Trực nhật, dọn đồ chơi...)

	136	-Trẻ nhận biết cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
	137	-Trẻ thể hiện, biểu lộ cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh	+ Biểu lộ trạng thái, cảm xúc, tình cảm qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát vận động, vẽ, nặn, xếp hình.
	138	-Thể hiện tình cảm với Bác Hồ	+ Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ + Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
	139	-Thể hiện tình cảm với quê hương, đất nước	+ Biết một vài di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	140	-Biết những hành vi và quy tắc	+ Thực hiện được một số quy định ở lớp, ở trường, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường, vâng lời ông, bà, cha, mẹ, cô giáo.)
	141	-Biết lắng nghe, ứng xử xã hội phù hợp.	+ Chú ý lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
	142	-Có những hành vi và quy tắc ứng xử xã hội phù hợp.	+ Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép
	143	-Có những hành vi và quy tắc ứng xử xã hội phù hợp.	+ Quan tâm giúp đỡ bạn.
	144	-Phân biệt được những hành vi và quy tắc ứng xử xã hội phù hợp.	+ Phân biệt hành vi “Đúng – sai; tốt - xấu”
	145	-Biết hợp tác với bạn	+ Chờ đến lượt khi được nhắc nhở, hợp tác.
	146	-Biết phối hợp cùng bạn.	+ Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (Chơi, trực nhật, dọn đồ chơi...) + Biết làm việc cá nhân và phối hợp với bạn
	147	-Quan tâm đến môi trường (chăm sóc cây)	+ Thích chăm sóc cây cối,
	148	-Quan tâm đến môi trường (con vật)	+ Thích chăm sóc con vật thân thuộc.
	149	-Quan tâm đến môi trường (bảo vệ môi trường)	+ Bỏ rác đúng nơi quy định
	150	-Quan tâm đến môi trường (hoa)	+ Không hái hoa, bẻ cành.
	151	-Quan tâm đến môi trường (tiết kiệm điện nước)	+ Không để tràn nước khi rửa tay. + Biết tắt quạt tắt điện khi ra khỏi phòng
Phát triển thẩm mỹ	152	-Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống xung quanh.	+ Vui thích ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, sử dụng được các câu, từ mô tả cảnh đẹp khi được quan sát.
	153	-Cảm nhận trước vẻ đẹp của các tác phẩm nghệ thuật	+ Nhận ra vẻ đẹp nổi bật của các tác phẩm nghệ thuật.

154	-Thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các tác phẩm nghệ thuật	+ Thích thú ngắm nhìn, chỉ, sờ, sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng...của các tác phẩm tạo hình.
155	-Cảm nhận trước các thể loại âm nhạc.	+ Vui sướng vỗ tay và làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc
156	-Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước các thể loại âm nhạc.	+ Chú ý nghe, thích thú (Hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc;
157	-Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước các bài thơ ca, tục ngữ, các câu chuyện	Thích nghe và đọc diễn cảm các bài thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể diễn cảm các câu chuyện
158	-Có một số kỹ năng nghe hát trong hoạt động âm nhạc	+ Chú ý nghe các loại nhạc khác nhau phù hợp với độ tuổi như (nhạc thiếu nhi, dân ca, hát ru,...)
159	-Có một số kỹ năng hát trong hoạt động âm nhạc	+ Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...
160	-Có một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (vận động theo nhạc)	+ Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).
161	-Có một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe hát, vận động theo nhạc)	+ Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm.
162	-Có một số kỹ năng tạo hình đơn giản trong hoạt động tạo hình Vẽ, tô màu tạo thành sản phẩm đơn giản.	+ Sử dụng một số kỹ năng vẽ và tô màu, vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục hài hòa.
163	-Có kỹ năng nhận xét sản phẩm	+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét.
164	-Có một số kỹ năng cắt, xé, dán, xếp hình...tạo thành sản phẩm đơn giản.	+ Sử dụng một số kỹ năng cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
165	-Có một số kỹ năng tạo hình đơn giản trong hoạt động tạo hình xé, cắt theo đường cong và dán ...tạo thành sản phẩm đơn giản.	+ Xé, cắt theo đường thẳng, cong...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.
166	-Có một số kỹ năng nặn tạo hình đơn giản trong hoạt động tạo hình tạo thành sản phẩm đơn giản.	+ Sử dụng một số kỹ nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
167	-Có một số kỹ năng nặn tạo hình đơn giản (làm lốm,..).	+ Làm lốm, dõ bẹt, bẻ loe, uốn cong, vuốt nhọn đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.

168	-Có một số kỹ năng phối hợp các nguyên vật liệu để tạo sản phẩm	+ Biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.
169	-Có một số kỹ năng bố trí sắp xếp bố cục tác phẩm tạo hình đơn giản tạo thành sản phẩm đơn giản hài hòa về màu sắc, bố cục..	+ Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có màu sắc, hình dáng khác nhau.
170	- Có kỹ năng nhận xét đánh giá tác phẩm nghệ thuật, các sản phẩm của trẻ và các bạn	Chỉ và nói được những những đặc điểm nổi bật trong tác phẩm, nói được ý tưởng của bản thân
171	-Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật âm nhạc.	+ Lựa chọn, và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.
172	-Trẻ biết chọn dụng cụ khi tham gia các hoạt động nghệ thuật âm nhạc.	+ Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu.
173	-Trẻ biết chọn dụng cụ khi tham gia các hoạt động nghệ thuật âm nhạc.	+ Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo tiết tấu bài hát.
174	-Trẻ biết chọn dụng cụ khi tham gia các hoạt động nghệ thuật tạo hình.	+ Tự chọn dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.
175	-Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật tạo hình.	+Nói được ý tưởng tạo hình của mình + Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.
176	-Trẻ thể hiện sự sáng tạo khi đặt tên cho sản phẩm	+ Đặt tên cho sản phẩm của mình.

Lĩnh vực PT	STT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	1	- Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp, bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	* Thực hiện các động tác thể dục sáng ngoài trời theo nhịp đếm, bài hát, dụng cụ thể dục. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân, hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao -Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau, kết hợp 2 tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái + Quay sang trái, phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay dang ngang, chân bước sang phải, trái + Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, trái. -Chân: + Đưa ra trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên, đưa 1 chân về phía trước, một chân về sau.
	2	- Thực hiện được kỹ năng đi khéo léo bước theo một đường thẳng.	- Đi trên dây (3-4m)
	3	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong khoảng thời gian 10 giây	- Chạy 18m trong khoảng 10 giây
	4	- Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.	- Nhảy lò cò tự do 5 m
	5	- Thực hiện được động tác phối hợp bò cao, bò thấp chui qua ống	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m – 5m, rộng 40cm
	6	- Thực hiện được kỹ năng trườn	- Trườn chui dây cao 40cm
	7	- Thực hiện được kỹ năng trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất.	- Trèo lên xuống 7 giống thang
	8	- Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi nổi bàn chân tiến lùi	- Đi nổi bàn chân tiến lùi
	9	- Chạy chậm được 100 - 120m không hạn chế thời gian.	- Chạy chậm 100 -120m
	10	- Thể hiện sự nhanh - mạnh- khéo khi thực hiện động tác phối hợp nhảy lò cò- bật qua vật cản	- Nhảy lò cò 5m bật qua vật cản theo TC
	11	- Thực hiện được động tác bò thấp chui qua ống	- Bò thấp chui qua ống dài 1,5m*0.6m
	12	- Thực hiện được động tác	- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1.5m* 30cm

	phối hợp trườn trèo qua ghế dài 1.5m* 30cm	
13	- Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động đi băng ghế TD	- Đi trên băng ghế TD (2m x 0,25m x 0,35m) không làm rơi vật đội trên đầu.
14	- Chạy liên tục khoảng 150m không hạn chế thời gian	- Chạy liên tục khoảng 100m - 150 không hạn chế thời gian.
15	- Trẻ thực hiện được các kỹ năng nhảy - bật	- Bật liên tục vào 7 vòng
16	- Thực hiện được động tác bò vòng qua 7 điểm đích đặt, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu	- Bò zích zắc qua 7 điểm cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.
17	- Thực hiện được động tác bò, trườn vòng qua 7 điểm đích đặt, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu	- Bò, trườn zích zắc qua 7 điểm theo trò chơi
18	- Thực hiện được các kỹ năng tung, đập và bắt bóng bằng hai tay	- Tung bóng lên cao và bắt bóng
19	- Chạy đổi hướng nhanh, chậm theo hiệu lệnh.	- Chạy nhanh – chậm thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh
20	- Trẻ thực hiện được các kỹ năng nhảy - bật	- Bật qua vật cản cao 15-20cm
21	- Trẻ thực hiện được các kỹ năng nhảy - bật sâu	- Nhảy bật sâu từ trên cao xuống 35 cm – 40cm
22	- Ném trúng đích đứng thẳng (xa 2m x cao 1,5m);	- Ném xa bằng 1 tay.
23	- Ném trúng đích đứng thẳng (xa 2m x cao 1,5m);	- Ném xa bằng 2 tay.
24	- Thực hiện được các kỹ năng tung, đập và bắt bóng bằng hai tay	- Đập - bắt bóng tại chỗ
25	- Trẻ thực hiện được các kỹ năng nhảy - bật xa	- Bật xa 40-50cm
26	Thực hiện được các kỹ năng Tung, đập và bắt bóng bằng hai tay	- Đi vừa đập bắt bóng
27	- Ném trúng đích đứng thẳng (xa 2m x cao 1,5m);	- Ném trúng đích đứng thẳng (xa 2m x cao 1,5m) theo trò chơi
28	-Thực hiện được các kỹ năng Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4m;	Chuyển bóng qua đầu qua chân theo trò chơi
29	- Trẻ thực hiện được các kỹ năng nhảy xuống từ độ cao 40cm	- Bật nhảy từ trên cao xuống 40-45cm
30	- Ném trúng đích ngang xa 2m	- Ném trúng đích nằm ngang xa 2m
31	- Ném trúng đích đứng	- Ném trúng đích thẳng đứng bằng 2 tay theo trò

	thăng (xa 2m x cao 1,5m);	chơi
32	- Trẻ thực hiện được các kỹ năng bật cao- bò	- Bật qua vật cản cao 15 – 20cm kết hợp bò zích zắc
33	- Thể hiện sự nhanh - mạnh- khéo khi thực hiện động tác phối hợp bật và bò	- Bật tách khớp chân kết hợp bò chui qua cổng
34	- Chạy zích zắc kết hợp vượt chướng ngại vật.	- Chạy theo đường zíc zắc, vượt qua chướng ngại vật cao 25cm.
35	- Thể hiện sự nhanh - mạnh- khéo khi thực hiện động tác phối hợp trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất kết hợp bò chui qua cổng,	- Trèo lên xuống 7 giống thang bò chui qua cổng theo trò chơi.
36	-Thực hiện được kỹ năng ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4m	- Ném và bắt bóng với người đối diện bằng 2 tay (khoảng cách xa 4m)
37	- Trẻ biết được ích lợi của việc rửa tay giữ gìn đôi bàn tay sạch sẽ và rửa tay đúng cách	- Thói quen tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn, rửa tay đúng cách theo 6 bước. - Ích lợi của việc giữ gìn đôi tay sạch sẽ..
38	- Trẻ biết được ích lợi của việc giữ gìn mặt mũi sạch sẽ và lau mặt bằng khăn ướt đúng cách	- Tập luyện kỹ năng và thói quen tự lau mặt bằng khăn ướt hàng ngày. - Ích lợi của vệ sinh mặt sạch sẽ
39	- Có thói quen việc giữ gìn mặt mũi sạch sẽ và lau mặt khi có mồ hôi đúng cách.	- Tập luyện kỹ năng và thói quen tự lau mặt khi có mồ hôi hàng ngày. - Ích lợi của vệ sinh mặt sạch sẽ
40	- Có thói quen giữ đầu tóc gọn gàng và có thói quen chải đầu.	- Tập luyện kỹ năng và thói quen tự chải đầu hàng ngày. - Ích lợi của việc giữ gìn đầu tóc gọn gàng.
41	- Có thói quen tự đi dép, guốc, giày	- Tập luyện kỹ năng và thói quen tự đi dép, guốc, giày hàng ngày.
42	- Biết rửa chân khi chân dơ và giữ gìn tay chân sạch sẽ	- Tập luyện kỹ năng và thói quen tự rửa chân (khi chân dơ) hàng ngày. - Ích lợi của việc giữ gìn đôi chân sạch sẽ.
43	- Có thói quen rửa ca cốc sạch sẽ	- Tập luyện kỹ năng và thói quen tự rửa ca cốc hàng ngày. - Ích lợi của việc giữ gìn ca cốc sạch sẽ..
44	- Biết tự mặc áo, cởi áo, cài nút áo	- Tập luyện kỹ năng và thói quen tự mặc áo, cởi áo, cài nút áo hàng ngày. - Ích lợi của việc tự mặc áo, cởi áo, cài nút áo.
45	- Biết giữ quần áo sạch sẽ và xếp quần áo đúng cách, gọn gàng.	- Tập luyện kỹ năng và thói quen tự xếp quần áo hàng ngày. - Ích lợi của việc giữ quần áo sạch sẽ, xếp quần áo gọn gàng.
46	- Biết phụ giúp cô lau bàn ghế, biết ích lợi của việc giữ bàn ghế sạch sẽ	- Tập luyện kỹ năng và thói quen tự lau bàn ghế hàng ngày - Ích lợi của việc giữ bàn ghế sạch sẽ.
47	- Biết giữ răng miệng sạch	- Tập luyện kỹ năng và thói quen tự súc miệng-

	sẽ và súc miệng đánh răng đúng cách. Biết ích lợi của việc giữ gìn vệ sinh răng miệng.	đánh răng hàng ngày. - Ích lợi của việc vệ sinh răng miệng sạch sẽ.
48	- Nhận biết, làm quen nhóm thực phẩm giúp cơ thể khỏe mạnh.	- Nhận biết tên gọi và phân loại thực phẩm theo các nhóm: nhóm giàu chất đạm, nhóm giàu chất béo, nhóm giàu chất bột đường, nhóm giàu vitamin và muối khoáng. - Nguồn gốc của các loại thực phẩm - Nhận biết các thực phẩm khác nhau về kích thước, mùi vị, hình dạng, trạng thái,...
49	- Biết và kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày.	- Nói được tên các bữa ăn trong ngày và một số thức ăn hằng ngày ở trường, ở nhà , - Kể tên những món ăn mà trẻ biết, cách chế biến một số món ăn đơn giản
50	- Biết 1 số thao tác trong việc chế biến món ăn, thức uống đơn giản.	- Làm quen một số thao tác trong việc chế biến món ăn, thức uống đơn giản. - Trẻ có thói quen ăn nhiều loại thức ăn khác nhau, không khiêng nhem vô lí.
51	- Lợi ích của thực phẩm đối với sức khỏe con người	- Cần ăn uống đầy đủ, hợp lý, sạch sẽ - Ăn các loại thực phẩm có lợi cho sức khỏe
52	- Trẻ biết sử dụng thành thạo đồ dùng trong ăn uống	- Sử dụng các đồ dùng phục vụ trong ăn uống một cách thành thạo (thìa, đũa, nĩa, gắp...)
53	- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, ...) - Không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	- Ăn ít, ăn thiếu một số loại thức ăn, ăn không sạch sẽ sẽ bị suy dinh dưỡng, bệnh tật. - Không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt, đồ béo. - Biết và không ăn những món ăn nguy hại, ô nhiễm, những thức ăn không hợp vệ sinh, không uống nước lã.
54	- Biết chọn thực phẩm, ăn thức ăn sạch và bảo quản thực phẩm một cách đơn giản	- Chọn thực phẩm sạch, ngon. - Ăn chín uống sôi; ăn chậm nhai kĩ, không làm rơi vãi thức ăn. - Thức ăn phải được đựng trong đồ dùng sạch, cất và đậy cẩn thận.
55	- Biết giữ gìn mũi sạch sẽ và chùi mũi (khi có mũi) đúng cách	- Tập luyện kỹ năng và thói quen chùi mũi (khi có mũi) hàng ngày. - Ích lợi của việc giữ gìn mũi sạch sẽ.
56	- Sử dụng trang phục phù hợp theo mùa.	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết theo mùa. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết
57	- Có một số thói quen giữ gìn vệ sinh chung.	- Không vứt rác hoặc khạc nhổ bừa bãi, biết thu dọn đồ dùng đồ chơi gọn gàng, lấy cất đúng nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.
58	- Biết bảo vệ an toàn cho bản thân và mọi người, phân biệt được các hành động	- Nhận biết và không chơi ở những nơi không an toàn, mất vệ sinh như: gần ổ cắm điện, bếp lò, bình nước đun sôi, giếng nước, ao hồ, khu chăn nuôi, bãi

		đúng, sai.	rác ... - Phân biệt được hành động đúng -sai.
	59	- Thực hiện được các cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt và sử dụng một số đồ dùng dụng cụ.	- Bẻ, nắn, xé, cắt đường vòng cung, đường viền của tranh/hình vẽ. - Lắp ráp các hình, xâu luồn các hạt. - Tự cài, cởi cúc áo, quần, kéo khoá, buộc dây giày.
	60	Sao chép được các chữ số, chữ cái.	- Tô đồ theo nét, sao chép được các chữ cái, chữ số.
	61	- Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.	- Rèn luyện thói quen làm việc đến nơi đến chốn. - Rèn luyện nề nếp học tập, tính tập trung chú ý. - Tham gia các hoạt động có chủ đích
	62	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. - Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm, phân biệt được các hành động đúng, sai.	- Nhận biết một số đồ vật gây nguy hiểm như : Cây nhọn, kim, thủy tinh, dao., kéo.. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm như: Chơi cây nhọn, lấy cây que đâm vào mắt mũi của mình và bạn, leo trèo cây, ban công, tường rào... - Ý thức trong việc bảo vệ an toàn - Biết được hành động đúng , hành động sai
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	63	- Biết không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép	- Giáo dục trẻ có thói quen xin phép cô, ba - mẹ, người lớn, người thân khi nhận quà. không theo người lạ mặt. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Có người lạ bế ẵm, cho kẹo, rủ đi chơi...
	64	- Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: Kẹt tay, chân vào đồ vật nào đó, ngã, động vật cắn, ong đốt, điện giật, đau, chảy máu, bị sốt, bị lạc đường... - Biết kêu cứu ngay khi gặp trường hợp khẩn cấp hoặc chạy khỏi nơi nguy hiểm.
	65	- Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.	- Nhận biết một số tác hại thông thường của thuốc lá khi hút hoặc ngửi khói thuốc lá như: Ho, khó chịu, khó thở, viêm phổi... - Không đến gần người đang hút thuốc lá, biết động viên người thân trong gia đình không nên hút thuốc lá sẽ bị bệnh.
	66	- Biết một số thông tin quan trọng về gia đình	- Các thông tin về gia đình: họ tên, địa chỉ, số điện thoại, nghề nghiệp sở thích của các thành viên trong gia đình. - Biết về các thành viên trong gia đình, vị trí của trẻ trong gia đình, qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn).... - Biết được một số nhu cầu về gia đình: ăn uống, vui chơi, nhà ở, mua sắm, giải trí, quan tâm, chăm sóc, tình cảm... của các thành viên trong gia đình.
	67	- Biết xem xét và tìm hiểu các sự vật, hiện tượng	- Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận - Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét, thảo luận - Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách

		khác nhau - Phân loại các đối tượng theo các dấu hiệu khác nhau
68	- Biết tên gọi, đặc điểm, chức năng của các bộ phận của bản thân. Biết cách ứng xử phù hợp với giới tính. Biết sở thích của bản thân, bạn bè.	- Biết tên gọi, đặc điểm, chức năng của các bộ phận của bản thân. - Biết một số ứng xử cần có của bạn gái, bạn trai. Biết lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính. - Biết sở thích của bản thân, bạn bè.
69	- Biết đặc điểm phát triển của một số loại cây xanh; Phân nhóm cây cối theo đặc điểm chung.	- Nhận biết một số đặc điểm, ích lợi của cây, rau xanh, hoa, quả, quen thuộc. - So sánh sự giống và khác nhau của một số loại cây, rau xanh, hoa, quả. - Phân loại cây, rau xanh, hoa quả, theo 2 – 3 đặc điểm/dấu hiệu chung. - Quá trình phát triển của cây, điều kiện sống của một số loại cây, rau xanh, hoa, quả. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây cối, hoa, quả, rau xanh với môi trường sống. - Cách trồng chăm sóc, bảo vệ cây cối.
70	- Biết đặc điểm phát triển của một số con vật, chia nhóm theo đặc điểm chung.	- Nhận biết một số đặc điểm, ích lợi của các con vật với con người và môi trường. - So sánh sự giống và khác nhau của một số loài vật. - Phân con vật theo 2 – 3 đặc điểm/dấu hiệu chung. - Môi trường sống, tập tính của một số động vật. - Cách chăm sóc bảo vệ các con vật quen thuộc, không chọc phá các con vật, tránh xa những con vật nguy hiểm.
71	- Biết tên gọi và đặc điểm của các loại đồ dùng đồ chơi có trong trường, nhóm, lớp.	- Tên gọi, đặc điểm, chất liệu, cấu tạo, công dụng và cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi. - Mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 – 3 đặc điểm/dấu hiệu chung.
72	- Trẻ biết được một số hiện tượng thiên nhiên mây mưa, sấm, chớp, mặt trời, mặt trăng, ngày đêm...Biết dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra; Có ứng xử phù hợp.	- Một số hiện tượng thời tiết, đặc điểm của một số hiện tượng thời tiết nổi bật mây mưa, sấm, chớp. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi, núi lửa, mưa đá... - Nhận biết một số hiện tượng sắp có mưa như : Mây đen, gió to, trời sấm tối, sấm chớp... - Trời nắng: Bầu trời trong xanh, mây trắng, có ông mặt trời... - Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. - Ứng xử phù hợp với các hiện tượng thời tiết.
	- Biết được vòng tuần hoàn của nước, một số tính chất	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Một số đặc điểm, tính chất của nước.

73	và ích lợi của nước, không khí với môi trường.	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước - Ích lợi của nước với đời sống con người, các con vật, cây cối. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, các con vật và cây cối.
74	Biết tên gọi, đặc điểm, hiện tượng khi trời sắp mưa, cách ứng xử khi trời mưa và biết vì sao trời mưa	- Biết tên gọi, đặc điểm các loại mưa: mưa đá, mưa phùn, mưa rào, mưa lác rắc, mưa như rút nước, - Hiện tượng khi trời sắp mưa. - Cách ứng xử khi trời mưa - Quá trình hình thành mưa
75	- Biết tên và nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống. - Có những ứng xử và các hoạt động phù hợp theo mùa, thời tiết.	- Mùa xuân: Nhiều hoa nở, có nhiều quả ngon, không khí mát mẻ. - Mùa hè: Nắng, gió, oi bức, có nhiều hoa phượng nở. có một số trái cây đặc trưng vào mùa hè - Mùa thu: Bầu trời trong xanh gió mát, có ngày nắng ngày mưa, mùa bé tựu trường... - Mùa đông: Trời se lạnh, trong mùa đông có lễ Noel. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây cối theo mùa. - Biết ăn mặc phù hợp theo mùa và thời tiết-- Biết ăn uống, giữ gìn vệ sinh và sức khỏe theo mùa thời tiết.
76	Biết tên và nói được một số đặc điểm nổi bật của mùa hè Có những ứng xử và các hoạt động phù hợp vào mùa hè	+ Mùa hè: là mùa nóng, oi bức nhất trong năm, nhiều hoa phượng nở, có tiếng ve kêu. Là mùa nghỉ ngơi của các cô, cậu học trò. + Trẻ biết mặc trang phục phù hợp thời tiết, biết ăn uống và vệ sinh cá nhân thường xuyên. Mùa hè thường đi nghỉ mát, đi tắm biển...
77	-Hiểu nguyên nhân những hiện tượng đơn giản, phán đoán, suy luận, giải thích	- Hiểu nguyên nhân những hiện tượng đơn giản xung quanh, biết đặt câu hỏi: Tại sao? Và đưa ra phán đoán, suy luận, giải thích.
78	- Thể hiện sự hiểu biết về đặc điểm của một số phương tiện giao thông	* Phương tiện giao thông. - Đặc điểm, công dụng, môi trường hoạt động của một số loại phương tiện giao thông. - Người trực tiếp tham gia điều khiển các phương tiện giao thông. - Phân loại phương tiện theo 2 – 3 đặc điểm/dấu hiệu chung.
79	An toàn giao thông	* An toàn giao thông + Một số quy định an toàn giao thông + Một số luật giao thông đường bộ. + Biết được những hành vi nguy hiểm khi tham gia giao thông. + Tự giác chấp hành luật giao thông
80	Biển báo giao thông	* Biển báo giao thông + Tên gọi, đặc điểm, ý nghĩa của 1 số biển báo giao thông thông thường. - Ý thức tham gia giao thông theo chỉ dẫn của các biển báo.

81	- Nhận biết mối quan hệ của sự vật hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng - Giải quyết các vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.
82	Thể hiện sự hiểu biết về trường tiểu học	- Đặc điểm trường tiểu học và các phòng học - Trang phục, thời gian, các hoạt động, nề nếp của học sinh tiểu học - Đồ dùng, dụng cụ của học sinh lớp 1
83	- Hiểu biết về một số nghề nghiệp phổ biến trong xã hội và nơi trẻ sống.	- Tên gọi, công cụ, việc làm và sản phẩm của một số nghề trong xã hội, địa phương. - Ý nghĩa của các nghề quen thuộc, nghề truyền thống ở địa phương.
84	Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi.	- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “ bao nhiêu? “ đây là mấy ?”
85	Nhận biết ý nghĩa của các con số	- Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe...).
86	Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 4	Trẻ thuộc số đếm, đếm đúng, đếm không lặp lại, không bỏ sót số lượng trong phạm vi 4
87	- Biết đếm và so sánh, tách gộp số lượng trong phạm vi 4	- Đếm, so sánh, tách gộp số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 4
88	- Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 5	Trẻ thuộc số đếm, đếm đúng, đếm không lặp lại, không bỏ sót số lượng trong phạm vi 5
89	- Biết đếm và so sánh số lượng trong phạm vi 5	- Đếm, so sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 5
90	- Biết thêm 1 trong phạm vi 5	- Thêm 1 trong phạm vi 5
91	Biết tách gộp 5 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách.	- Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.
92	- Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 6	- Đếm trong phạm vi 6 và đếm theo khả năng - Nhận biết ý nghĩa của con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. - Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 6. - Nhận biết số 6 và sử dụng số 6 để chỉ số lượng và số thứ tự trong phạm vi 6
93	- Biết đếm và so sánh số lượng trong phạm vi 6	- Đếm, so sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 6
94	Biết tách gộp 6 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách.	- Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.
95	- Nhận biết, con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 7	- Đếm trong phạm vi 7 và đếm theo khả năng. - Nhận biết ý nghĩa của con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. - Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong

		phạm vi 7. - Nhận biết số 7 và sử dụng số 7 để chỉ số lượng và số thứ tự trong phạm vi 7.
96	- Biết đếm và so sánh số lượng trong phạm vi 7	- Đếm, so sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 7
97	- Biết thêm 2 trong phạm vi 7	- Thêm 2 trong phạm vi 7
98	- Biết tách 7 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách	- Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.
99	- Nhận biết, đếm con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 8	- Đếm trong phạm vi 8 và đếm theo khả năng. - Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. - Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 8. - Nhận biết số 8 và sử dụng số 8 để chỉ số lượng và số thứ tự trong phạm vi 8.
100	- Biết tách 8 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.	*- Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - So sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 8
101	- Biết bớt tùy ý và đếm số lượng trong phạm vi 8. Biết thêm đủ số lượng trong phạm vi 8	- Bớt tùy ý và đếm số lượng trong phạm vi 8. Thêm đủ số lượng trong phạm vi 8
102	- Biết bớt 1 hình và nối số lượng tương ứng.	- Gạch bỏ 1 hình và nối số lượng tương ứng.
103	- Nhận biết, tạo nhóm con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 9	- Đếm trong phạm vi 9 và đếm theo khả năng. - Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. - Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 9. - Nhận biết số 9 và sử dụng số 9 để chỉ số lượng và số thứ tự trong phạm vi 9.
104	- Biết đếm và so sánh số lượng trong phạm vi 9	- Đếm, so sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 9
105	- Biết bớt và phân loại và đếm trong phạm vi 9	- Bớt và phân loại và đếm trong phạm vi 9
106	- Biết tách 9 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.	- Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - So sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 9
107	- Nhận biết, tạo nhóm con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. - Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. - Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10. - Nhận biết số 10 và sử dụng số 10 để chỉ số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
108	- Biết đếm và so sánh số lượng trong phạm vi 10	- Đếm, so sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 10

109	– Biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.	- Tách một nhóm thành 2 nhóm bằng 2-3 cách. - Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - So sánh số lượng của các nhóm đồ vật trong phạm vi 10
110	- Sử dụng được một số dụng cụ để đo độ dài ngắn, cao thấp... so sánh và nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật bằng một đơn vị đo, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
111	Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong, so sánh và nói kết quả.	- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo
112	- Nhận ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
113	- Nhận dạng và tạo ra một số hình học bằng nhiều cách khác nhau	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
114	- Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật chuẩn.	- Xác định và nói được vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau; phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
115	-Biết gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự; – Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày;	- Biết sử dụng các từ chỉ thời gian hôm qua, hôm nay, ngày mai, sáng, trưa, chiều, tối. - Biết gọi tên các thứ, ngày trong tuần . - Nhận biết chữ số biểu thị tên gọi của các thứ/ngày trong tuần. - Phân biệt được các sự kiện diễn ra trong ngày/tuần.
116	-Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.	- Xem lịch biết đọc số biểu thị thứ tự các ngày trên lịch. - Xem đồng hồ, nói được giờ trên đồng hồ.
117	- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau	.- Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. - Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động: âm nhạc, vui chơi, tạo hình
118	- Thích đặt câu hỏi; thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.	- Thích đặt câu hỏi để tìm hiểu và làm rõ thông tin về một sự vật, sự việc hay người nào đó. - Chủ động đặt câu hỏi trong các giờ hoạt động tìm hiểu, khám phá, quan sát... - Thích làm một số thí nghiệm - Thích quan sát sự biến đổi, phát triển của các sự vật, hiện tượng xung quanh.
119	Nhận biết một số danh lam, thắng cảnh	- Kể tên và nêu nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, nét đặc trưng của quê hương, đất nước.
120	Nhận biết một số lễ hội	- Kể tên một số lễ hội và nói về các hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội (Ngày giải phóng miền nam 30/4, ngày quốc tế lao động 1/5 cả xóm đều treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm, em được đi chơi)

	121	- Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày;	- Quan sát và phân tích đơn giản một số hiện tượng xảy ra trong sinh hoạt hàng ngày. - Biết giải thích nguyên nhân dẫn đến kết quả của một số sự vật, sự việc xảy ra.
	122	- Nhận ra một số quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc.	- Nhận ra qui tắc sắp xếp theo mẫu và sao chép lại.
	123	- Nhận ra một số quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc.	- Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
	124	Nhận ra một số quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc.	- Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự, quy tắc nhất định.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	125	– Biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát;	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc 1 đoạn) - Thay tên mới cho câu chuyện đúng với nội dung, ý nghĩa của câu chuyện. - Đặt tên cho đồ vật trẻ thích.
		– Biết nói ý tưởng, cách thực hiện một số công việc	- Nói được cách thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình.

	126	theo cách riêng của mình;	- Có ý tưởng khác với các bạn khi tạo ra sản phẩm nào đó và quyết tâm hoàn thành nó.
	127	- Biết kể lại câu chuyện quen thuộc theo những cách khác nhau.	- Biết thay tên nhân vật, tên câu chuyện phù hợp với nội dung. - Kể chuyện sáng tạo - Kể lại câu chuyện quen thuộc theo các cách khác nhau
	128	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Kể chuyện cho trẻ nghe - Đóng kịch theo nội dung câu chuyện vừa kể. - Xem phim truyện trên màn hình phù hợp với chương trình và độ tuổi trẻ
	129	- Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động;	- Nghe, hiểu và làm theo được 2 – 3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung của lời nói trong giao tiếp hàng ngày. - Thực hiện yêu cầu trong các hoạt động tập thể - Nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại
	130	- Nghe, hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.	- Hiểu nghĩa các từ khái quát: thực vật, động vật, đồ gỗ, đồ dùng (đồ dùng gia đình, học tập)... - Nghe hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, các từ biểu cảm. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.
	131	- Nghe hiểu nội dung các câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao, bài hát dành cho lứa tuổi của trẻ.	- Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
	132	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.	- Nhận ra sắc thái biểu cảm của lời nói khi nghe kể chuyện, đọc thơ. - Xem đóng kịch. - Xem phim truyện trên màn hình phù hợp với chương trình và độ tuổi trẻ.
	133	- Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp;	- Chú ý lắng nghe và hiểu nội dung trong câu nói của người khác. - Biết đáp lại bằng thái độ đã hiểu lời nói của người khác bằng cử chỉ, nét mặt và ánh mắt.
	134	- Nói rõ ràng các âm tiếng Việt, bày tỏ tình cảm và nhu cầu bản thân.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu. Phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Phát âm được các tiếng có chứa các âm khó - Bày tỏ tình cảm, hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép, câu mở rộng. - Trả lời và đặt các câu hỏi “Ai”, “Cái gì?” “Ở đâu?”, “Khi nào”, “Để làm gì”... - Đọc những bài đồng dao luyện phát âm. - Trò chuyện, đàm thoại một số nội dung trong chương trình giáo dục trẻ.
	135	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.	- Sử dụng Các từ chỉ hành động, tính chất, từ biểu cảm, hình tượng. - Các từ chỉ tên gọi của các sự vật hiện tượng xung quanh trẻ, các từ chỉ đặc điểm của cây rau, hoa quả, con vật, đồ vật, các phương tiện và qui định giao

		thông...
136	- Sử dụng các loại câu, từ khác nhau trong giao tiếp;	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng. - Sử dụng đúng các từ biểu thị sự lễ phép - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu và hoàn cảnh giao tiếp. - Sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, mệnh lệnh...
137	- Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng lời nói. - Biết đặt các câu hỏi để làm rõ thông tin cần tìm hiểu. - Điều chỉnh ngữ điệu giọng phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.
138	- Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động;	- Biết dùng lời nói để giao tiếp, trò chuyện cùng các bạn. - Biết bày tỏ, chia sẻ hiểu biết, kinh nghiệm của bản thân bằng lời nói để các bạn trong nhóm chơi hiểu và cùng thống nhất tham gia vào hoạt động.
139	- Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.	- Chủ động trò chuyện, thảo luận trong nhóm chơi hoặc trong các cuộc giao tiếp với người lớn. - Đặt các câu hỏi thảo luận để duy trì và phát triển cuộc trò chuyện.
140	- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp;	- Điều chỉnh được cường độ giọng nói phù hợp với nhu cầu giao tiếp. - Các hành vi, thái độ tôn trọng người khác trong giao tiếp.
141	- Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;	- Thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt. - Giao dục phép lịch sự, biết tôn trọng người khác trong giao tiếp, không nói leo, ngắt lời khi người khác đang nói.
142	- Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;	- Biết dùng cử chỉ, nét mặt, điệu bộ để thể hiện mình chưa hiểu lời người khác nói. - Biết đặt câu hỏi phù hợp để hỏi lại khi chưa hiểu lời người khác nói.
143	- Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống;	- Biết sử dụng một số từ biểu thị sự lễ phép, các từ biểu cảm, hình tượng. - Biết chào hỏi, tạm biệt, các câu chúc sức khỏe ông bà... biết nói cảm ơn, xin lỗi phù hợp với hoàn cảnh, tình huống trong giao tiếp.
144	- Không nói tục, chửi bậy.	- Biết nói tục chửi bậy là không tốt, không ngoan. - Có thái độ không đồng tình như: Nhắc bạn bạn không được chửi bậy, nói tục – xấu lắm, hoặc thưa cô khi có bạn chửi bậy...
145	- Đọc thơ, ca dao, đồng giao, kể chuyện theo hướng dẫn của người lớn.	- Đọc biểu cảm các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè, hát thuộc và diễn tả cảm xúc các bài hát phù hợp với lứa tuổi - Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái của nhân vật. - Kể có thay đổi một vài chi tiết như tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện trong nội dung truyện

		- Đóng được vai của nhân vật trong truyện.
146	- Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh;	- Nhận dạng các chữ cái đã học. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau, thích chọn sách để đọc và xem. - Đọc truyện qua tranh vẽ. - Biết cách lật mở sách - Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt
147	- Thể hiện sự thích thú với sách, biết phối hợp cùng cô và bạn tạo ra sách truyện tranh đơn giản.	- Chọn sách để “đọc” và xem - Chú ý nghe đọc sách, thích tìm hiểu nội dung tranh vẽ trong sách (Nhờ người lớn giải thích nội dung tranh, những chữ chưa biết...)
148	- Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	- Có một số hành vi giữ gìn, bảo vệ sách (giờ sách từng trang, không quăng quật, vẽ bậy, xé, làm nhàu sách, xem sách xong biết cất sách vào nơi qui định.
149	- Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống; nhận ra những chữ cái quen thuộc.	- Nhận ra chữ cái quen thuộc, một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống hàng ngày (Nhà vệ sinh, cấm lửa,lối ra, lối thoát hiểm, nơi nguy hiểm, một số biển báo giao thông...)
150	- Có một số hành vi như người đọc sách;	- Biết đọc sách từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ sau các dấu, đọc từ đầu sách đến cuối sách. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
151	- Biết kể chuyện theo tranh.	- Biết dựa theo tranh để kể lại thành một câu chuyện theo ý tưởng của trẻ, kể lại chuyện xảy ra với bản thân hoặc người xung quanh. - Sắp xếp tranh theo trình tự nội dung. Kể một câu chuyện có mở đầu có kết thúc.
152	- Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói;	- Biết chữ viết có thể đọc được, có thể dùng chữ viết để thay cho lời nói. - Biết làm bưu thiếp, thư chúc mừng người thân bằng chữ viết.
153	- Nhận ra kí hiệu thông thường	- Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, biển báo giao thông, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa,...
154	- Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái, tên của bản thân	- Làm quen với cách viết tiếng Việt, Hướng viết các nét chữ. - Sao chép, tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình. - Khả năng viết, sao chép tên của mình. - Biết viết tên của mình theo ý thích như viết thường, viết hoa, đầy đủ tên hoặc chỉ viết chữ cái đầu, hoặc trang trí tên của mình ...
155	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái o,ô,ơ	- Nhận biết chữ o, ơ, ô - Tô, đồ chữ o, ơ, ô
156	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái a, ă, â	- Nhận biết chữ a, ă, â - Tô, đồ chữ a, ă, â
157	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ	- Nhận biết chữ e, ê - Tô, đồ chữ e, ê

		cái e, ê	
	158	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái u, ư	- Nhận biết chữ u, ư - Tô, đồ chữ u, ư
	159	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái i, t, c	- Nhận biết chữ i, t, c - Tô, đồ chữ i, t, c
	160	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái b, d, đ	- Nhận biết chữ b,d,đ - Tô, đồ chữ b, d, đ
	161	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái l, m,n	- Nhận biết chữ l,m,n - Tô, đồ chữ l, m, n
	162	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái h, k	- Nhận biết chữ h, k - Tô, đồ chữ h,k
	163	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái p, q	- Nhận biết chữ p,q - Tô, đồ chữ p,q
	164	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái g, y	- Nhận biết chữ g,y - Tô, đồ chữ g, y
	165	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái s, x	- Nhận biết chữ s, x - Tô, đồ chữ s, x
	166	- Trẻ nhận biết, phát âm đúng, tô, đồ được nhóm chữ cái v, r	- Nhận biết chữ v, r - Tô, đồ chữ v,r
	167	- Kỹ năng viết, tư thế ngồi viết.	- Hướng viết của các nét chữ. - Tô, đồ các chữ cái đã học. - Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới; - Cách cầm bút, tư thế ngồi ngay ngắn, không gục đầu, tì ngực vào bàn
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		- Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm những sản phẩm đơn giản;	- Lựa chọn, sử dụng phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra sản phẩm.
	168		
	169	- Phối hợp các đường nét, các hình hình học để vẽ và tô màu tạo thành bức tranh có nội dung, bố cục cân đối, màu sắc hài hòa qua các cách sắp xếp đối xứng và không đối xứng của các đối tượng.	-Vẽ và tô màu theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích, vẽ sáng tạo, vẽ trang trí, vẽ theo trí nhớ, vẽ theo câu chuyện. vẽ chân dung,... - Biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành các bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. -Biết pha màu để tạo ra bức tranh có màu sắc hài hòa.
	170	- Sử dụng các kỹ năng tạo hình: cắt, xé, dán, vẽ, nặn, xếp hình... để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng tạo hình vẽ, nặn, cắt, dán, xếp hình... để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét hài hòa, cân đối về bố cục.
	171	- Cảm nhận và thể hiện cảm	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi

		xúc trước vẻ đẹp của cuộc sống và nghệ thuật	cảm, các bài hát, bản nhạc và các tác phẩm nghệ thuật.
172		- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống.
173		-Trẻ thực hiện được các kỹ năng nặn	- Tự lựa chọn, tìm kiếm và sử dụng các cách nặn khác nhau, nặn một cách có sáng tạo: nặn nguyên khối, phối hợp nặn ghép với nặn nguyên khối để tạo ra các sản phẩm đa dạng theo chủ đề.
174		-Thực hiện các kỹ năng cắt, dán	- Cắt dán các hình tròn, hình tam giác, hình vuông có kích thước to- nhỏ khác nhau, cắt dán những hình đơn giản, giấy giấy và cắt, làm tranh cắt dán,... - Cắt rời các hình, chữ, số trên tạp chí, hoạ báo, trên hình vẽ sẵn theo yêu cầu, theo ý thích của trẻ. - Trẻ biết một số cách dán như dán chồng hình, dán các nan giấy, dán theo đường viền
175		Thực hiện kỹ năng xé, dán	- Xé theo đường viền khung, xé theo đường vẽ sẵn các hình, gấp và xé lượn cung.
176		Thực hiện kỹ năng gấp	- Gấp chéo góc, gấp theo đường thẳng,... miết giấy để tạo thành một số sản phẩm đơn giản như gấp quạt, túi, thuyền...
177		- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động tạo hình	- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích
178		- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động âm nhạc	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích
179		- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động âm nhạc	- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn
180		Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia hoạt động tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.
181		- Có kỹ năng nhận xét sản phẩm	-Biết nhận xét các tác phẩm tạo hình của bạn thân, của bạn về màu sắc, hình dáng,đường nét và bố cục.
182		- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc	- Khoe với người khác về công việc mình đã hoàn thành. - Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc và mong muốn người khác khen ngợi.

	183	- Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn vẽ đẹp trong cuộc sống hàng ngày của trẻ, đồ dùng, đồ chơi. - Dùng các biểu tượng, hình mẫu, ký tự khác nhau để thể hiện cảm xúc, nhu cầu của mình - Vẽ những ký hiệu theo ý thích - Nói ý tưởng và đặt tên sản phẩm tạo hình của mình.
	184	- Kỹ năng ca hát	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát - Thể hiện cảm xúc tự nhiên và bộc lộ hết khả năng của mình khi ca hát.
	185	- Kỹ năng nghe nhạc, nghe hát	- Nghe và nhận biết các thể loại nhạc, nhạc cụ khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển.) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của một số bài hát, bản nhạc phù hợp lứa tuổi. - Biết biểu lộ thái độ khi nghe nhạc, nghe hát.
	186	Vận động âm nhạc	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với bài hát, bản nhạc.
	187	Vận động âm nhạc	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, theo nhịp, theo tiết tấu
	188	Trò chơi âm nhạc	- Nhận biết, phân biệt và phản ứng linh hoạt với các thuộc tính âm nhạc (độ cao, tiết tấu, nhịp độ, sắc thái,...) thông qua các trò chơi âm nhạc như trò chơi về độ cao âm thanh, về tiết tấu âm nhạc, về trí nhớ âm nhạc.
	189	- Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc;	- Hát vận động các bài hát phù hợp lứa tuổi và các chủ đề trong năm. - Hát đúng giai điệu, lời ca của bài hát quen thuộc và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Thể hiện được cảm xúc và vận động phù hợp với các bài hát, bản nhạc (Vỗ tay, lắc lư, nhún nhảy) với nhịp điệu của bài hát. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp)
	190	- Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau.	- Vận động minh họa sáng tạo một số bài hát - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn) - Tạo âm thanh nhạc cụ, tiếng gió, tiếng suối chảy...
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM XÃ HỘI	191	- Quan tâm đến môi trường	- Thực hiện tốt việc trực nhật, bỏ rác đúng nơi quy định.
	192	- Quan tâm đến môi trường	- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa,...)
	193	- Quan tâm đến môi trường	- Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt đèn, tắt quạt khi ra khỏi phòng, không vòi nước sau khi dùng, không để

		thừa thức ăn.
194	- Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.
195	- Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.	- Mạnh dạn bày tỏ ý kiến sở thích của bản thân - Đề xuất trò chơi và hoạt động - Biết thuyết phục bạn về đề xuất của mình
196	- Cố gắng thực hiện công việc đến cùng;	- Tự tin khi thực hiện công việc được giao - Biết trách nhiệm bản thân trong nhóm, trong lớp học - Hoàn thành công việc được giao
197	- Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày;	- Tự giác thực hiện công việc mà không chờ sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người khác như: Tự cất đồ chơi sau khi chơi, Tự giác đi rửa tay.
198	- Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.	- Nói được điều trẻ thích, không thích, làm được không làm được. - Tự tin khi tham gia thảo luận cùng cô và các bạn.
199	- Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác;	- Nhận biết và nói được các trạng thái cảm xúc của người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, phim hình...
200	- Thể hiện tình cảm, cảm xúc với bạn bè, người thân.	- Nhận biết và thể hiện cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) với bố mẹ, anh chị em, bạn bè, cô giáo...) - Biết an ủi và chia vui với người thân, bạn bè.
201	Thể hiện tình cảm, cảm xúc khi được xem hình ảnh, video, đọc các bài thơ, kể chuyện về Bác Hồ	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ - Thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
202	- Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè;	- Nhận biết tâm trạng của người thân, bạn bè. - Biết quan tâm chia sẻ, an ủi bạn bè, người thân bằng cử chỉ lời nói phù hợp với tâm trạng (vui, buồn) của họ.
203	- Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc;	- Nhận biết cây cối, con vật cần được chăm sóc và bảo vệ để lớn lên và phát triển. - Biết thể hiện tình cảm với các con vật cho con vật quen thuộc ăn, vuốt ve, âu yếm... - Thể hiện tình cảm với thiên nhiên Thích được tham gia chăm sóc cây cối như : Nhặt lá úa, nhổ cỏ, lau lá cây, ...
204	- Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh	- Biết điều chỉnh hành vi của bản thân phù hợp với tình huống, hoàn cảnh. - Có một số hành vi văn hóa trong sinh hoạt như: Nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép, chờ đến lượt, kiềm chế khi cần thiết; Chú ý nghe khi cô, bạn nói; không ngắt lời người khác.
205	- Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.	- Biết trấn tĩnh, hạn chế cảm xúc tiêu cực như: La hét, gào khóc, ném đồ chơi ... khi được người khác an ủi, chia sẻ và giải thích. - Biết sử dụng lời nói để diễn tả cảm xúc của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân. - Biết an ủi và chung vui với người thân và gia đình.

206	- Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi;	- Biết tạo sự thân thiện trong quá trình tham gia chơi tập thể. - Nhanh chóng nhập cuộc để cùng chơi với các bạn. - Biết chia sẻ, giúp đỡ, phối hợp với bạn trong quá trình chơi.
207	- Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi;	- Mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp. - Chủ động bắt chuyện và trả lời các câu hỏi trong giao tiếp.
208	- Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi;	- Chơi thân thiện với bạn, chia sẻ với bạn những cảm xúc vui buồn của bản thân. - Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, hướng dẫn và chia sẻ đồ dùng với bạn trong hoạt động cùng nhóm.
209	- Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.	- Biết chủ động giúp đỡ khi thấy bạn, người khác gặp khó khăn. - Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ người thân và bạn bè.
210	- Có nhóm bạn chơi thường xuyên;	- Thích chơi cùng với các bạn, cử chỉ thân mật, tôn trọng và hợp tác. - Quan tâm, chia sẻ và nhường nhịn bạn khi chơi.
211	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.	- Có ý thức chờ đợi đến lượt, không chen lấn xô đẩy bạn, - Rèn luyện tính kiên trì. Tuân thủ theo nội quy qui định của lớp học. - Nề nếp thói quen trong học tập , sinh hoạt.
212	- Lắng nghe ý kiến của người khác;	- Biết chú ý lắng nghe khi người khác nói, kể chuyện. - Mạnh dạn tự tin chia sẻ suy nghĩ, chờ đến lượt trao đổi, bổ sung ý kiến với bạn khi giao tiếp. - Chấp nhận sự khác nhau giữa các ý kiến và cùng nhau thống nhất để cùng thực hiện.
213	- Biết xử lý một số tình huống;	- Trẻ tự tin, cởi mở và thân thiện với các bạn. - Lắng nghe ý kiến, trao đổi thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm và cùng thảo luận với các bạn trong các hoạt động, trong nhóm chơi.
214	-Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè;	- Chơi với bạn vui vẻ, không đánh bạn, biết giúp đỡ bạn. - Có cách ứng xử, giải quyết vấn đề khi trong nhóm chơi gặp mâu thuẫn.
215	- Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn;	- Vui vẻ, chấp nhận và hợp tác. - Thái độ chấp hành nhiệm vụ một cách vui vẻ và sẵn sàng.
216	- Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.	- Chủ động, độc lập trong một số hoạt động. - Thực hiện công việc được giao (Trục nhật, xếp dọn đồ chơi)
217	- Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác;	- Trẻ biết chấp hành một số qui tắc, qui định ở lớp, gia đình, nơi công cộng - Cách giao tiếp ứng xử có văn hóa với mọi người . - Biết giải thích được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ ảnh hưởng gì đến lớp, bạn và mọi người..
218	- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ	- Rèn luyện thói quen, hành vi, cử chỉ lễ phép, lịch sự.

	phép với người lớn;	-Thói quen xưng hô thân mật với bạn, lễ phép với người lớn.
219	- Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu”. - Nhận ra 3 – 5 hành vi đúng sai của con người đối với môi trường như: Vứt rác bừa bãi, bẻ cây... - Tiết kiệm điện nước trong gia đình và lớp học
220	- Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.	- Thích chăm sóc cây xanh trong lớp.
221	- Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.	- Biết tôn trọng mọi người, có ý thức chấp nhận sự công bằng trong nhóm bạn. - Mạnh dạn nhận xét và có ý kiến về sự công bằng giữa các bạn.
222	- Có quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt hàng ngày	- Có thói quen nói cảm ơn, xin lỗi khi có lỗi và chào hỏi lễ phép
223	- Có hành vi ứng xử tốt trong sinh hoạt hàng ngày	- Chú ý lắng nghe cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.
224	- Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết;	- Mạnh dạn nhờ sự giúp đỡ của cô và các bạn khi cần thiết. - Mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến.

C. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

I. KHỞI NHÀ TRẺ 24-36

1. Dự kiến chủ đề

T T	CHỦ ĐỀ LỚN	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỰ KIỆN
	Bé với trường, nhóm/ lớp (4 tuần)	Trường, nhóm lớp của bé	Từ 05/9 đến 09/9/2022	<i>Ngày hội bé đến trường; bé vui tết trung thu</i>
		Cô giáo và các bạn của bé	Từ 12/9 đến 16/9/2022	
		Đồ dùng, đồ chơi trong lớp bé	Từ 19/9 đến 23/9/2022	
		Công việc của các cô, các bác trong trường mầm non	Từ 26/10 đến 30/9/2022	
	Bản thân của bé (4 tuần)	Các bộ phận cơ thể của bé	Từ 03/10 đến 07/10/2022	
		Các giác quan của bé	Từ 10/10 đến 14/10/2022	
		Những món ăn bé thích	từ 17/10 đến 21/10/2022	
		Trang phục của bé	từ 24/10 đến 28/10/2022	
	Gia đình của bé (4 tuần)	Ba, mẹ và người thân của bé	từ 31/10 đến 04/11/2022	<i>Ngày tết nhà giáo 20/11</i>
		Đồ dùng sinh hoạt	Từ 07/11 đến 11/11/2022	
		Đồ dùng ăn uống	Từ 14/11 đến 18/11/2022	
		Đồ dùng điện	Từ 21/11 đến 25/11/2022	
	Những con vật đáng yêu (4 tuần)	Các con vật nuôi trong gia đình	Từ 28/11 đến 02/12/2022	<i>Ngày tết chú bộ đội 22/12 – Ngày lễ Nô en</i>
		Con vật sống trong rừng	Từ 05/12 đến 09/12/2022	
		Các con vật sống dưới nước	Từ 12/12 đến 16/12/2022	
		Các con vật có cánh, biết bay	Từ 19/12 đến 23/12/2022	
	Các loại hoa bé thích (3 tuần)	Các loại hoa cho quả	Từ 26/12 đến 30/12/2022	
		Các loại hoa để làm cảnh	Từ 02/01 đến 06/01/2023	
		Hoa cánh to, hoa cánh nhỏ	Từ 09/01 đến 13/01/2023	
	Ngày tết vui vẻ (3 tuần)	Hoa, quả ngày tết	Từ 06/02 đến 10/02/2023	
		Bánh, kẹo ngày tết	Từ 13/02 đến 17/02/2023	
		Bé đi chơi tết	Từ 20/02 đến 24/02/2023	
	Các loại quả bé thích (4 tuần)	Quả tròn, quả dài	Từ 27/02 đến 03/3/2023	<i>Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3</i>
		Quả sù xì, quả trơn nhẵn	Từ 06/3 đến 10/3/2023	
		Quả mọc thành chùm	Từ 13/3 đến 17/3/2023	
		Quả nhiều hạt, quả ít hạt	Từ 20/3 đến 24/3/2023	
	Các loại rau, củ (3 tuần)	Các loại rau ăn lá	Từ 27/3 đến 31/3/2023	
		Các loại rau ăn quả	Từ 03/4 đến 07/4/2023	
		Các loại rau ăn củ	Từ 10/4 đến 14/4/2023	
	Phương	Phương tiện GT đường bộ	Từ 17/4 đến 21/4/2023	<i>Giỗ tổ</i>

	tiện giao thông (4 tuần)	Phương tiện GT đường thủy	Từ 24/4 đến 28/4/2023	Hùng Vương (29/4 DL - 10/3 AL)
		Các PTGT đường không	Từ 02/5 đến 05/5/2023	
		Các PTGT đường sắt	Từ 08/5 đến 12/5/2023	
	Mùa hè của bé 2 tuần	Mùa hè đến	Từ 15/5 đến 19/5/2023	Ngày sinh nhật Bác Hồ- Tết thiếu nhi 1/6
		Bé sắp vào mẫu giáo	Từ 22/5 đến 26/5/2023	

2. Phân công chuyên đề

1A: Ánh Hồng (PTVĐ); Thu Thúy (NBPB)

1B: T. Châu (GDAN); Kim Sa (PTVĐ); Nguyễn Hồng (NBTN)

1C: Hải Lý (NBPB); Thanh Minh (Tạo hình)

Nhóm Bào Cỗ: Phụng (LTLTT); Việt Anh (NBTN)

II. KHÔI MẪU GIÁO

1. Khôi mẫu:

1.1. Dự kiến chủ đề, sự kiện

TT	CHỦ ĐỀ LỚN	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ NHÁNH	SỰ KIỆN
1	“TRƯỜNG LỚP MN CỦA BÉ”	+ Trường, lớp, của bé. + Cô giáo và các bạn của bé. + Đồ dùng, đồ chơi trong lớp bé. + Lao động của người lớn trong trường MN	+ 1 tuần: Từ 05/9 – 09/9 + 1 tuần: Từ 12/9 – 14/9 + 1 tuần: Từ 19/9 – 23/9 + 1 tuần: Từ 26/9 – 30/9	Ngày hội “Bé đến trường” 5/9 Ngày tết trung thu
2	“BẢN THÂN CỦA BÉ”	+ Các bộ phận cơ thể bé + Các giác quan của bé + Thức ăn giúp bé khỏe mạnh + Trang phục của bé.	+ 1 tuần: Từ 03/10 – 07/10 + 1 tuần: Từ 10/10 – 14/10 + 1 tuần: từ 17/10 – 21/10 + 1 tuần: từ 24/10 – 28/10	Ngày Thành lập Hội phụ nữ VN 20/10
3	“GIA ĐÌNH CỦA BÉ” –	+ Những người thân trong gia đình + Ngôi nhà thân yêu + Đồ dùng ăn uống + Đồ dùng phục vụ sinh hoạt gia đình + Đồ dùng điện	+ 1 tuần: từ 31/10 – 04/11 + 1 tuần: Từ 07/11 - 11/11 + 1 tuần: Từ 14/11 - 18/11 + 1 tuần: Từ 21/11 - 25/11 + 1 tuần: Từ 28/11 - 02/12	Ngày tết của cô giáo 20/11
4	“THẾ GIỚI THỰC VẬT”	+ Một số loại hoa. + Một số loại rau. + Một số loại quả. + Cây xanh và môi	+ 1 tuần: Từ 05/12- 09/12 + 1 tuần: Từ 12/12 - 16/12 + 1 tuần: Từ 19/12 – 23/12 + 1 tuần: 26/12 - 30/12	Ngày tết chủ bộ đội 22/12 và ngày lễ Nô

		trường sống		en 24/12
5	“TẾT VÀ MÙA XUÂN” (Tết nguyên đán)	+ Tết và các phong tục tập quán + Các loại hoa quả , bánh kẹo ngày tết	+ 1 tuần: Từ 02/01 – 06/01/2023 + Tuần: Từ 09/01 – 13/01	
6	Nghỉ tết 2 tuần, 1 tuần ổn định	Nghỉ tết 2 tuần, 1 tuần ổn định	- 16/01 – 27/01/2023 - 30/01 – 03/02/2023	Tết nguyên đán
7	“NƯỚC VÀ MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN”	+ Nước, đất, cát, đá sỏi... + Các hiện tượng thời tiết + Các mùa trong năm	+ 1 tuần: Từ 06/02 – 10/02 + 1 tuần: Từ 13/02 – 17/02 + 1 tuần: Từ 20/02 – 24/02	
8	“AN TOÀN GIAO THÔNG”	+ Các phương tiện giao thông. + Luật giao thông	+ 1 tuần: Từ 27/02 – 03/3 + 1 tuần: Từ 06/3 – 10/3	Quốc tế phụ nữ 8/3
9	“THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT”	+ Các con vật nuôi trong gia đình. + Động vật sống dưới nước. + Động vật sống trong rừng. + Côn trùng + Động vật thời tiền sử.	+ 1 tuần: Từ 13/3 – 17/3 + 1 tuần: Từ 20/3 – 24/3 + 1 tuần: Từ 27/3 – 31/3 + 1 tuần: Từ 03/4 – 07/4 + 1 tuần: Từ 10/4 – 14/4	
10	“MỘT SỐ NGÀNH NGHỀ QUEN THUỘC” (Giải phóng miền nam 30/4)	+ Cô bán hàng, cô chú công nhân + Chú bộ đội, chú công an + Cô y tá, bác sĩ + Bác nông dân	+ 1 tuần: Từ 17/4 – 21/4 + 1 tuần: Từ 24/4 – 28/4 + 1 tuần: Từ 01/5 – 05/5 + 1 tuần: Từ 08/5 – 12/5	Giỗ tổ Hùng Vương 10/3 AL (29/4 DL)
11	“BÁC HỒ VỚI CÁC CHÁU THIẾU NIÊN NHI ĐỒNG” (Sinh nhật Bác 19/5)	+ Bác Hồ của chúng em. + Quê hương em	+ 1 tuần: từ 15/5 – 19/5 + 1 tuần: từ 22/5 – 26/5	Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5

1.2. Phân công chuyên đề :

Mầm 1 : Tuyết Oanh (GD ATGT) ; Kiều Trinh KPKH (Ứng phó với BĐKH)

Mầm 2 : Thùy Phương (PTVĐ) ; Trang (GD ATGT)

Mầm 3 : Thanh Mỹ (LTLTT) + SS Đi học LQCV; Anh Minh (ứng dụng CNTT trong LQVT)

Mầm 4 : Trà MY KPKH (Ứng phó với BĐKH) ; Diễm UDCNTT trong GDAN)

Mầm 5 : Kha (PTVĐ) ; Hằng 9UDCNTT trong LQVT)

2. Khởi chồi

2.1. Dự kiến chủ đề, sự kiện

TT	CHỦ ĐỀ CHÍNH	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ NHÁNH	Sự kiện
1	“TRƯỜNG LỚP MN CỦA BÉ”	+ Trường, lớp, của bé. + Cô giáo và các bạn của bé. + Đồ dùng, đồ chơi trong lớp bé. + Lao động của người lớn trong trường MN	+ 1 tuần: Từ 05/9 – 09/9 + 1 tuần: Từ 12/9 – 16/9 + 1 tuần: Từ 19/9 – 23/9 + 1 tuần: Từ 26/10 – 30/9	Ngày hội “Bé đến trường” Ngày tết trung thu
2	“BẢN THÂN CỦA BÉ”	+ Các bộ phận cơ thể bé + Các giác quan của bé + Thức ăn giúp bé khỏe mạnh + Trang phục của bé.	+ 1 tuần: Từ 03/10 – 07/10 + 1 tuần: Từ 10/10 – 14/10 + 1 tuần: từ 17/10 – 21/10 + 1 tuần: từ 24/10 – 28/10	Ngày thành lập Hội LHPNVN 20/10
3	“GIA ĐÌNH CỦA BÉ” –	+ Những người thân trong gia đình + Ngôi nhà thân yêu + Đồ dùng ăn uống + Đồ dùng phục vụ sinh hoạt gia đình + Đồ dùng điện	+ 1 tuần: từ 31/10 – 04/11 + 1 tuần: Từ 07/11 - 11/11 + 1 tuần: Từ 14/11 - 18/11 + 1 tuần: Từ 21/11 - 25/11 + 1 tuần: Từ 28/11 - 02/12	(Ngày tết của cô giáo 20/11)
4	“THẾ GIỚI THỰC VẬT”	+ Một số loại hoa, quả + Một số loại rau. + Các loại rễ. + Cây xanh và môi trường sống.	+ 1 tuần: Từ 05/12- 09/12 + 1 tuần: Từ 12/12 - 16/12 + 1 tuần: Từ 19/12 – 23/12 + 1 tuần: 26/12 - 30/12	Ngày tết chú bộ đội 20/12 – Nô en 24/12
5	“TẾT VÀ MÙA XUÂN”	+ Tết và các phong tục tập quán, các loại bánh kẹo ngày tết. + Các loại hoa quả ngày tết. Nghỉ tết 2 tuần, 1 tuần ổn định	+ 1 tuần: Từ 02/01 – 06/01/2023 + Tuần: Từ 09/01 – 13/01 - 16/01 – 27/01/2023 - 30/01 – 03/02/2023	Tết Nguyên Đán
6	“NƯỚC VÀ MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG THIÊN NHIÊN”	+ Nước, đất, cát, đá sỏi... + Các mùa trong năm	+ 1 tuần: Từ 06/02 – 10/02 + 1 tuần: Từ 13/02 – 17/02	
7	“AN TOÀN GIAO THÔNG”	+ Các phương tiện giao thông. + Biển báo giao thông + Luật giao thông	+ 1 tuần: Từ 20/02 – 24/02 + 1 tuần: Từ 27/02 – 03/3 + 1 tuần: Từ 06/3 – 10/3	(Quốc tế phụ nữ 8/3)
8	“THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT”	+ Động vật sống dưới nước. + Động vật sống trong rừng. + Nhóm côn trùng + Động vật nhóm bò sát + Động vật sống ở khắp nơi	+ 1 tuần: Từ 13/3 – 17/3 + 1 tuần: Từ 20/3 – 24/3 + 1 tuần: Từ 27/3 – 31/3 + 1 tuần: Từ 03/4 – 07/4 + 1 tuần: Từ 10/4 – 14/4	
9	“MỘT SỐ NGÀNH”	+ Cô bán hàng, cô chú công nhân	+ 1 tuần: Từ 17/4 – 21/4	Giải phóng miền nam

	NGHỀ QUEN THUỘC”	+ Chú bộ đội, chú công an + Cô y tá, bác sĩ + Bác nông dân	+ 1 tuần: Từ 24/4 – 28/4 + 1 tuần: Từ 01/5 – 05/5 + 1 tuần: Từ 08/5 – 12/5	30/4
10	“BÁC HỒ VỚI CÁC CHÁU THIẾU NIÊN NHI ĐỒNG”	+ Bác Hồ của chúng em (SN Bác Hồ). + Quê hương của bé	+ 1 tuần: từ 15/5 – 19/5 + 1 tuần: từ 22/5 – 26/5	<i>Sinh nhật Bác 19/5 – Quốc tế thiếu nhi 1/6.</i>

2.2. Phân công chuyên đề

Chòi 1 : Hoa B (KPKH –GD lồng ghép ứng phó BĐKH) ; Văn (LTLTT)

Chòi 2 : Vẽ (PTVĐ) ; Hoa A (LTLTT) + Sẵn sàng đi học (LQCV)

Chòi 3 : Nhung (UDCNTT trong LQVH) ; Gấm (UDCNTT trong GDAN)

Chòi 4 : Nga (UDCNTT trong LQVT) ; Dung (Giao dục ATGT)

Chòi 5 : P. Vân (UDCNTT trong PTNN) ; Trần Hoa (PTVĐ)

Chòi 6 : Thắm (KPKH lồng ghép ứng phó BĐKH) ; Ánh (UDCNTT trong PTNN)

3. Khôi lá

2.1. Dự kiến chủ đề, sự kiện

TT	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện chủ đề nhánh	Sự kiện
1	Bản thân	- Cơ thể bé - Sở thích của bé	1 tuần: 05/09 – 09/09/2022 1 tuần: 12/09 – 16/09/2022	(ngày tết trung thu 15/8 AL)
2	Gia đình tôi	+ Gia đình của bé + Nhu cầu gia đình	1 tuần: 19/09 – 23/09/2022 1 tuần: 26/09 – 30/09/2022	
3	Thế giới động vật	+ Bé khám phá đại dương + Động vật thời tiền sử. + Nhóm con vật được nở ra từ quả trứng + Côn trùng + Động vật sống khắp nơi	1 tuần: 03/10– 07/10/2022 1 tuần: 10/10 – 14/10/2022 1 tuần: 17/10– 21/10/2022 1 tuần: 24/10 – 28/10/2022 1 tuần: 31/10 – 4/11/2022	
4	Ngành nghề	+ Nghề khai thác, chế biến mủ cao su + Nghề bác sĩ, cô giáo + Nghề làm gốm + Nghề chăm sóc và làm đẹp + Ước mơ của bé	1 tuần: 7/11– 11/11/2022 1 tuần: 14/11 – 18/11/2022 1 tuần: 21/11– 25/11/2022 1 tuần: 28/11 – 02/12/2022 1 tuần: 05/12 – 09/12/2022	(Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11)
5	Thế giới thực vật	+ Rau xanh + Những loài cây sống dưới nước + Cây cao su + Nhóm cây sống tầm gửi + Cây thuốc nam	1 tuần: 12/12 – 16/12/2022 1 tuần: 19/12 – 23/12/2022 1 tuần: 26/12 – 30/12/2022 1 tuần: 02/01 – 06/01/2023 1 tuần: 09/01 – 13/01/2023	
6	Tết và mùa xuân	+ Các loại hoa, quả, bánh mứt ngày tết + Phong tục tập quán ngày tết	1 tuần: 16/01 – 20/01/2023 1 tuần: 13/02– 17/02/2023	
7	Phương tiện giao thông	+ Các phương tiện giao thông. + Các biển báo giao thông + Luật giao thông	1 tuần: 20/02 – 24/02/2023 1 tuần: 27/02– 03/03/2022 1 tuần: 06/03– 10/03/2023	(Ngày quốc tế phụ nữ 8/3)

8	Nước và một số HTTN	+ Nước, cát, sỏi, đá, ánh sáng, không khí... + Thời tiết, khí hậu + Mưa	1 tuần: 13/03– 17/03/2023 1 tuần: 20/03– 24/03/2023 1 tuần: 27/03– 31/03/2023	
9	Quê hương- Thủ đô – Bác Hồ	+ Phú Giáo quê em + Thủ đô Hà Nội + Bác Hồ của chúng em + Biển đảo tổ quốc	1 tuần: 03/04 –07/04/2023 1 tuần: 10/4 – 14/04/2023 1 tuần: 17/4 – 21/04/2023 1 tuần: 24/04 – 28/04/2023	<i>Ngày Giải phóng miền nam 30/4)</i>
10	Trường tiểu học	+ Trường tiểu học + Đồ dùng học tập của học sinh lớp 1	1 tuần: 01/05 – 05/05/2023 1 tuần: 08/05 – 12/05/2023	
11	Mùa hè	+ Sắc màu mùa hè + Mùa hè của bé	1 tuần: 15/05 – 19/05/2023 1 tuần: 22/05 – 26/05/2023	<i>(Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5)</i>

3.2. Phân công chuyên đề

Lá 1 : Kiều Oanh (KPKH lồng ghép ứng phó với BĐKH) ; Thùy Linh (TH)+ LQCV

Lá 2 : Lê (LTLTT) ; Thảo (LQCV) và UDCNTT trong LQVH

Lá 3 : Ngọc (LTLTT)+ LQCV ; Thùy Dương (Tạo hình)

Lá 4 : Vy Sơn (GDATGT) và Sẵn sàng học đọc học viết ; K. Nhi (UDCNTT trong LQVH)

Lá 5 : Hương (GDATGT) và LQCV ; Thu Loan (UDCNTT trong GDAN)

Lá 6 : Huyền LQCV và (KPKH lồng ghép ứng phó với BĐKH) ; Trâm (UDCNTT trong GDAN)

III. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

1. Chế độ sinh hoạt nhà trẻ 24-36 tháng

Thời gian	Hoạt động
6h 15 - 6h 30	Vệ sinh nhóm lớp
6h 30 - 7h	Đón trẻ
7h - 7h 15	Thể dục sáng
7h 15 - 8h10	Vệ sinh - Ăn sáng- Uống sữa
8h10 - 8h 50	Dạo chơi ngoài trời
8h 50 – 9h	Vệ sinh
9h - 9h 20	Hoạt động chơi – tập buổi sáng
9h20 – 10h	Hoạt động vui chơi
10h -11h30	Vệ sinh – Ăn trưa
11h30 -14h	Ngủ trưa
14h - 14h 30	Vệ sinh, Ăn xế
14h30 - 15h	Hoạt động chơi - tập buổi chiều
15h-15h15- 16h	Vệ sinh – Ăn chiều
16h - 17h	Chơi tự do -Trả trẻ

2. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT MẪU GIÁO

a. Chế độ sinh hoạt khối Mầm

Thời gian	Hoạt động
6h15 - 6h30	Vệ sinh nhóm/ lớp.
6h30 - 7h20	Đón trẻ–Thể dục sáng – Điểm danh
7h20 – 8h	Vệ sinh - Ăn sáng- Uống sữa
8h - 8h40	Hoạt động ngoài trời
8h40 – 8h55	Vệ sinh
9h - 9h25	Hoạt động học
9h25 - 10h10	Hoạt động vui chơi
10h15- 11h30	Vệ sinh – Ăn trưa
11h30 - 14h	Ngủ trưa
14h - 14h30	Vệ sinh - Ăn xế
14h30 -15h	Hoạt động chiều
15h - 16h	Vệ sinh – Ăn chiều
16h - 16h30	Hoạt động nêu gương
16h30 - 17h	Trả Trẻ

b. Chế độ sinh hoạt khối Chồi

Thời gian	Hoạt động
6h15 - 6h30	Vệ sinh nhóm/lớp
6h30 - 7h20	Đón trẻ – Thể dục sáng – Điểm danh
7h20 – 8h	Vệ sinh - Ăn sáng- Uống sữa
8h - 8h45	Hoạt động ngoài trời
8h45 – 9h	Vệ sinh
9h - 9h30	Hoạt động học
9h30 - 10h20	Hoạt động vui chơi
10h20 – 11h40	Vệ sinh – Ăn trưa
11h40 - 14h	Ngủ trưa
14h - 14h30	Vệ sinh - Ăn xế
14h30 - 15h	Hoạt động chiều
15h - 16h	Vệ sinh – Ăn chiều
16h - 16h30	Hoạt động nêu gương
16h30 - 17h	Trả Trẻ

c. Chế độ sinh hoạt khối Lá

Thời gian	Hoạt động
6h15 - 6h30	Vệ sinh nhóm/lớp
6h30 - 7h20	Đón trẻ–Thể dục sáng- Điểm danh
7h20 – 8h	Vệ sinh - Ăn sáng - Uống sữa
8h - 8h45	Hoạt động ngoài trời
8h45 – 9h	Vệ sinh
9h - 9h35	Hoạt động học
9h35 - 10h20	Hoạt động vui chơi
10h20 – 11h40	Vệ sinh – Ăn trưa
11h40 - 14h	Ngủ trưa
14h - 14h30	Ăn xế
14h30 - 15h	Hoạt động chiều
15h - 16h	Vệ sinh – Ăn chiều
16h - 16h30	Hoạt động nêu gương
16h30 - 17h	Trả Trẻ

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2022 - 2023 của Trường Mầm non Phước Hòa.

Nơi nhận:

- PGD
- Các tổ khối;
- Lưu: VT, CM.
- Trang Web

P.HIỆU TRƯỞNG

Đoàn Thị Hương

